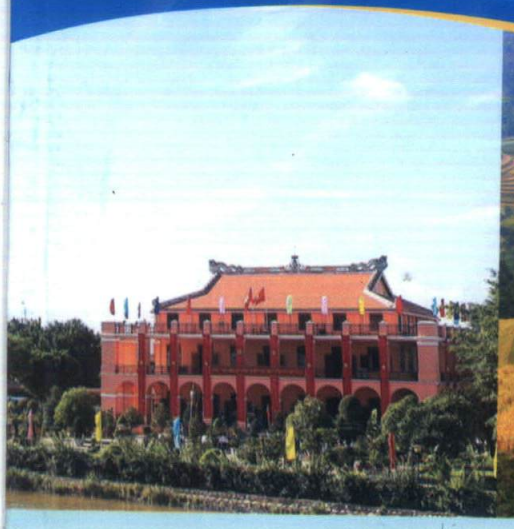
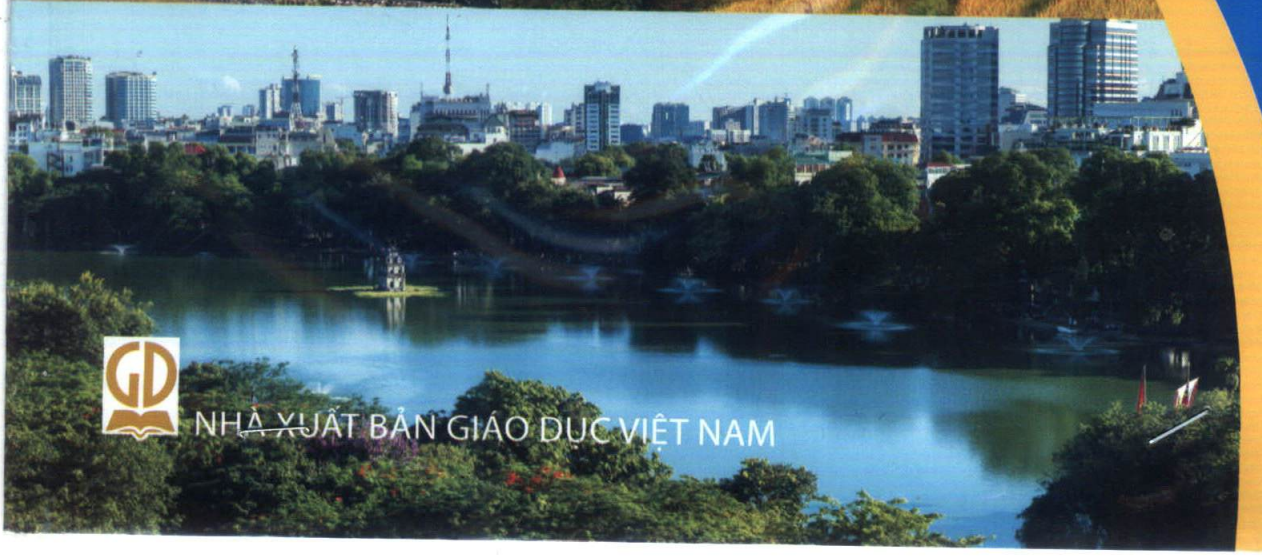
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NGUYỄN THỊ THU THUỶ – TRẦN THỊ HÀ GIANG (đồng Chủ biên)
ĐÀO THỊ HỒNG – LÊ THỊ THU HƯƠNG
ĐẶNG TIẾN DUNG – ĐOÀN THỊ THANH PHƯƠNG

Vở bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4







NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THU THUỶ – TRẦN THỊ HÀ GIANG (đồng Chủ biên)
ĐÀO THỊ HỒNG – LÊ THỊ THU HƯƠNG
ĐẶNG TIÊN DUNG – ĐOÀN THỊ THANH PHƯƠNG

Vở bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

(Tái bản lần thứ ba, có chỉnh lí, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4 được biên soạn bám sát nội dung các bài học trong SGK *Lịch sử và Địa lí 4*. Hệ thống câu hỏi và bài tập nhằm mục đích giúp các em luyện tập; củng cố những kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong quá trình học tập trên lớp cũng như vận dụng vào cuộc sống hiện tại.

Nội dung cuốn sách gồm nhiều dạng bài tập như câu hỏi trắc nghiệm (để kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức của học sinh), bài tập tự luận ở các mức độ (để rèn luyện kĩ năng trình bày, giải thích, suy luận, đánh giá và vận dụng của học sinh).

Các tác giả hi vọng cuốn *Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4* sẽ hỗ trợ tốt các em trong quá trình học tập và có thêm hứng thú khi tìm hiểu, khám phá tri thức lịch sử, địa lí.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng khó tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự góp ý của các thầy, cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

TRANG

Lời nói đầu 2
Mở đầu 4
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí 4

Chủ đề 1. ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ) 8
Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em 8
Bài 3. Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương em 10

Chủ đề 2. TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC 13
Bài 4. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi phía Bắc 13
Bài 5. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc 17
Bài 6. Một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc 22
Bài 7. Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương 25

CHỦ ĐỀ 3. ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ 28
Bài 8. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ 28
Bài 9. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ 32
Bài 10. Một số nét văn hoá ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ 34
Bài 11. Sông Hồng và văn minh sông Hồng 37
Bài 12. Thăng Long – Hà Nội 41
Bài 13. Văn Miếu – Quốc Tử Giám 45
Bài 14. Ôn tập 47

CHỦ ĐỀ 4. BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ 51
Bài 15. Thiên nhiên vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 51
Bài 16. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 56
Bài 17. Một số nét văn hoá ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 60
Bài 18. Truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 64
Bài 19. Cố đô Huế 73
Bài 20. Phố cổ Hội An 76
Bài 21. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên 81

CHỦ ĐỀ 5. NAM BỘ 84
Bài 22. Thiên nhiên vùng Nam Bộ 84
Bài 23. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ 87
Bài 24. Một số nét văn hoá và truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Nam Bộ 90
Bài 25. Thành phố Hồ Chí Minh 93
Bài 26. Địa đạo Củ Chi 96
Bài 27. Ôn tập 98

MỞ ĐẦU

BÀI 1 LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Theo bảng số liệu trang 9 SGK, tỉnh (thành phố) có số dân đông nhất năm 2024 là

A. Hà Nội.
B. Lâm Đồng.
C. Đà Nẵng.
D. Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Theo biểu đồ trang 9 SGK, tỉnh (thành phố) có diện tích lớn nhất là

A. Hà Nội.
B. Lâm Đồng.
C. Cần Thơ.
D. Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Đường thẳng thể hiện một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 gọi là

A. bản đồ.
B. trục thời gian.
C. hiện vật, tranh ảnh.
D. lược đồ.

1.4. Ý nào **không** phải là hiện vật lịch sử?

A. Mũi tên đồng Cổ Loa.
B. Trống đồng Ngọc Lũ.
C. Lẫy nỏ Đông Sơn.
D. Hang Sơn Đoòng.

Bài tập 2 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về các phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

A	B
Lược đồ	là những hình ảnh được vẽ hoặc chụp về các nhân vật, địa điểm, sự kiện lịch sử, đối tượng địa lí gắn với không gian cụ thể,...
Bản đồ	là những di tích, đồ vật,... trong quá khứ của con người còn được lưu giữ đến ngày nay.
Hiện vật lịch sử	là một đường thẳng thể hiện chuỗi các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian.
Tranh ảnh lịch sử, địa lí	là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.
Trục thời gian	là hình vẽ thu nhỏ một khu vực theo một tỉ lệ nhất định, có nội dung giản lược hơn bản đồ.

Bài tập 3 Sắp xếp theo thứ tự các bước sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

3.1. Các bước sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian

Các bước sử dụng	Thứ tự
Đọc tên bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian để biết phương tiện thể hiện nội dung gì.	....

Tìm các số liệu trong bảng hoặc mô tả nội dung cụ thể của biểu đồ, trục thời gian theo yêu cầu của bài học.	....
Đọc nội dung các cột, hàng của bảng số liệu; chú giải của biểu đồ hoặc các sự kiện trên trục thời gian để biết sự sắp xếp thông tin của các đối tượng.	....

3.2. Các bước sử dụng hiện vật, tranh ảnh

Các bước sử dụng	Thứ tự
Nhận xét về các đối tượng lịch sử hoặc địa lí theo yêu cầu bài học.	....
Quan sát và mô tả những đối tượng lịch sử hoặc địa lí được giới thiệu thông qua hiện vật, tranh ảnh.	....
Đọc tên hiện vật, tranh ảnh.	....

Bài tập 4 Dựa vào hình 1 trang 7 SGK, hãy:

– Cho biết tên bản đồ: .....

.....

– Kể tên hai dãy núi của nước ta: .....

.....

– Kể tên hai quần đảo của nước ta: .....

.....

Bài tập 5 Dựa vào hình 2 trang 8 SGK, hãy điền các thông tin thích hợp vào chỗ trống.

– Tên lược đồ: .....

– Thời gian diễn ra khởi nghĩa: .....

– Địa điểm phát động khởi nghĩa: .....

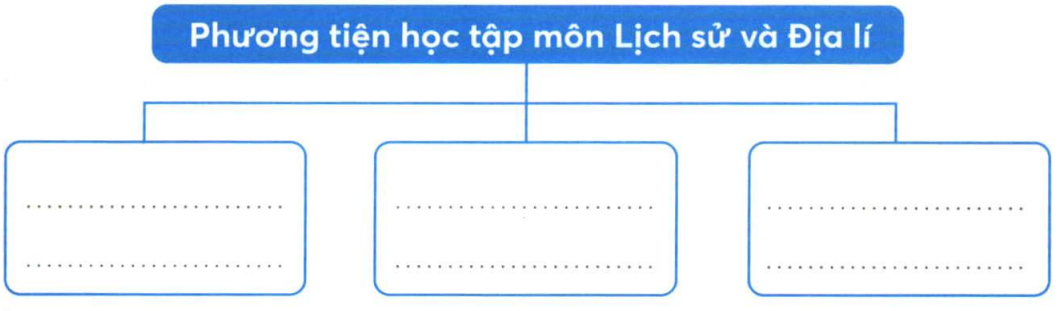
– Địa điểm đóng đô của Hai Bà Trưng: .....

Bài tập 6 Điền mốc thời gian vào các chỗ trống (...) tương ứng với nội dung các sự kiện.



Trục thời gian thể hiện một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975

Bài tập 7 Hoàn thành sơ đồ thể hiện tên một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.



Bài tập 8 Tìm ví dụ trong SGK *Lịch sử và Địa lí 4* về một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí (mỗi phương tiện lấy hai ví dụ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 1.
ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ)

BÀI 2 THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM

Bài tập 1 Dựa vào hình 1 trang 14 SGK, hãy:

– Kể tên các tỉnh hoặc thành phố tiếp giáp với địa phương em.

.....

.....

.....

– Kể tên biển hoặc quốc gia tiếp giáp với địa phương em (nếu có).

.....

.....

.....

Bài tập 2 Điền thông tin vào chỗ trống (...) sao cho phù hợp với đặc điểm địa hình, sông, hồ của địa phương em.

– Tỉnh hoặc thành phố ..... có độ cao trung bình ..... Dạng địa hình chính là .....

– Một số sông chảy qua địa bàn tỉnh hoặc thành phố là .....

.....

– Một số hồ lớn là.....

.....

Bài tập 3 Hoàn thành bảng dưới đây về đặc điểm khí hậu của địa phương em.

Nhiệt độ trung bình năm (°C)	.....
Lượng mưa trung bình năm (mm)	.....
Các mùa trong năm	– Mùa ....., từ tháng ..... đến tháng ..... – Mùa ....., từ tháng ..... đến tháng .....
Đặc điểm các mùa trong năm (nóng hay lạnh, mưa nhiều hay ít)	– Mùa .....: .... – Mùa .....: ....

Bài tập 4 Hãy kể tên:

– Một số cây trồng ở địa phương em: .....

.....

– Một số vật nuôi ở địa phương em: .....

.....

– Một số ngành công nghiệp ở địa phương em: .....

.....

.....

– Một số địa điểm du lịch ở địa phương em: .....

.....

.....

– Một số tuyến đường giao thông ở địa phương em: .....

.....

Bài tập 5 Nêu một số hành động bảo vệ môi trường địa phương mà em có thể thực hiện.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 6 Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một địa danh nổi tiếng ở địa phương em.

.....

.....

.....

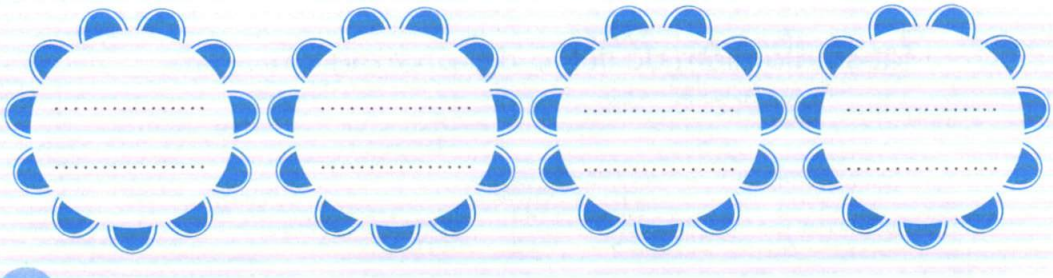
.....

.....

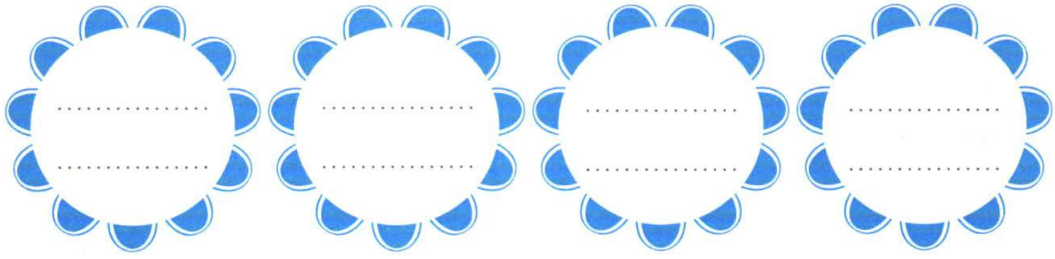
BÀI 3 LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG EM

Bài tập 1 Viết vào những bông hoa tên một số món ăn, lễ hội tiêu biểu ở địa phương em.

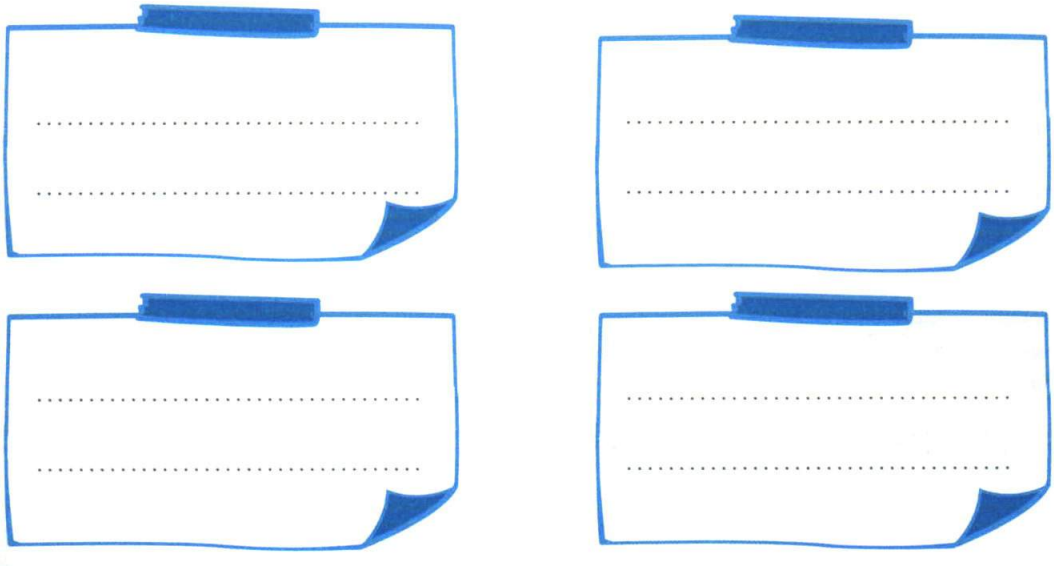
– *Tên một số món ăn:*



– *Tên một số lễ hội:*



Bài tập 2 Viết vào thẻ tên một số danh nhân tiêu biểu ở địa phương em.



Bài tập 3 Làm thẻ giới thiệu một món ăn của địa phương mà em yêu thích.

– Tên món ăn: .....

– Nguyên liệu chính: .....

.....

– Cách làm món ăn: .....

.....

.....

Ảnh món ăn

Bài tập 4 Lập kế hoạch cho buổi tham quan tìm hiểu về một di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương em vào bảng sau.

– Tên di tích: .....

– Mục đích tham quan: .....

.....

– Thời gian dự kiến: .....

.....

– Chuẩn bị: .....

.....

– Các bước thực hiện: .....

.....

.....

Bài tập 5 Hoàn thành bảng dưới đây về một số nét văn hoá truyền thống ở địa phương em.

STT	Lĩnh vực	Tên gọi	Mô tả
1	Lễ hội	....	....
2	Món ăn	....	....
3	Phong tục, tập quán	....	....

CHỦ ĐỀ 2.
TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

BÀI 4 THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với các quốc gia nào?

A. Lào và Cam-pu-chia.

B. Trung Quốc và Cam-pu-chia.

C. Trung Quốc và Lào.

D. Lào và Thái Lan.

1.2. Trung du và miền núi phía Bắc là vùng lãnh thổ nằm ở phía nào của nước ta?

A. Phía bắc. B. Phía nam.

C. Phía đông. D. Phía tây.

1.3. Địa danh nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc?

A. Cao nguyên Mộc Châu. B. Cao nguyên Đồng Văn.

C. Dãy Hoàng Liên Sơn. D. Dãy Trường Sơn.

1.4. Đỉnh núi cao nhất nước ta và nằm ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

A. Phan-xi-păng. B. Phu Luông.

C. Mẫu Sơn. D. Tây Côn Lĩnh.

1.5. Địa hình chủ yếu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

A. trung du. B. đồng bằng.

C. đồi núi. D. cao nguyên.

1.6. Đặc điểm của khu vực trung du phía Bắc là địa hình

A. núi với đỉnh nhọn, sườn thoải.

B. núi với đỉnh tròn, sườn thoải.

C. đồi với đỉnh nhọn, sườn thoải.

D. đồi với đỉnh tròn, sườn thoải.

1.7. Khí hậu vùng Trung du và miền núi phía Bắc là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có

A. mùa hè mát mẻ, mùa đông ấm áp.

B. nền nhiệt nóng quanh năm.

C. mùa đông lạnh nhất cả nước.

D. mùa hè nóng nhất cả nước.

1.8. Con sông nào sau đây **không** chảy qua vùng Trung du và miền núi phía Bắc?

A. Sông Hồng. B. Sông Đà.

C. Sông Chảy. D. Sông Thu Bồn.

1.9. Khí hậu của vùng Trung du và miền núi phía Bắc chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi

A. hướng của địa hình. B. hệ thống sông ngòi.

C. độ cao địa hình. D. Biển Đông.

1.10. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc **không** có loại tài nguyên khoáng sản nào sau đây?

A. Than. B. Sắt. C. A-pa-tít. D. Dầu mỏ.

Bài tập 2 Dựa vào hình 2 trang 19 SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Đỉnh núi	Độ cao *(mét)*
Phan-xi-păng	.....
Phu Luông	.....

Tây Côn Lĩnh	.....
Khoan La San	.....
Mẫu Sơn	.....

Bài tập 3 Dựa vào hình 2 trang 19 SGK, hãy điền thông tin phù hợp về tự nhiên vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào chỗ trống (...).

a) Một số dãy núi lớn ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

.....

.....

b) Một số cao nguyên của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là .....

.....

c) Một số sông lớn ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là .....

.....

d) Một số khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là .....

.....

Bài tập 4 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

☐ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với vịnh Bắc Bộ.

☐ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc là vùng duy nhất của nước ta không giáp biển.

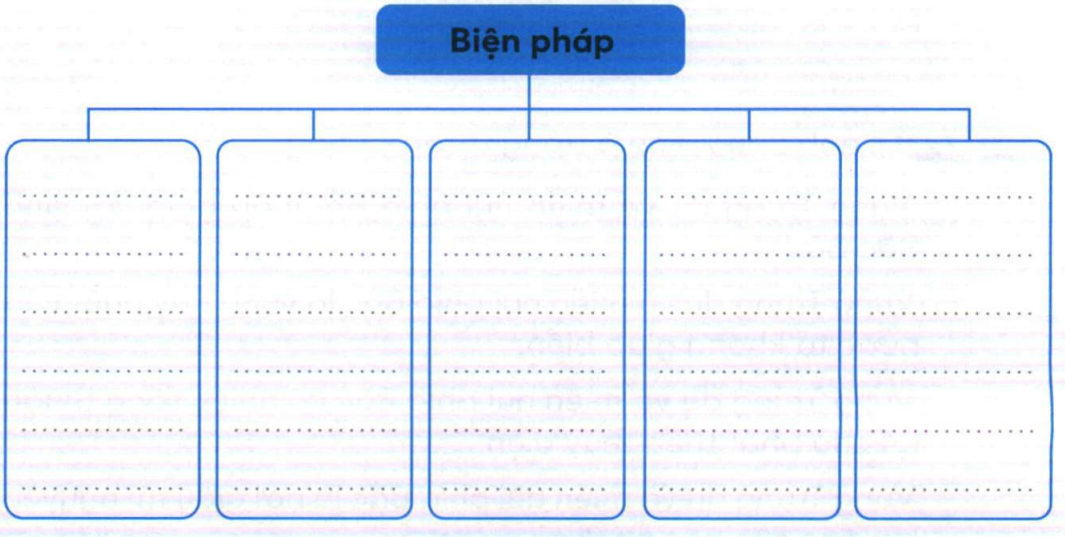
☐ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều sông thuận lợi cho phát triển thuỷ điện.

☐ Vùng Trung du và miền núi phía Bắc là nơi giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất cả nước.

Bài tập 5 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sản xuất và đời sống ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

A	B
Địa hình bị chia cắt mạnh.	Tiềm năng phát triển thuỷ điện.
Loại đất chính là đất phe-ra-lít.	Gây trở ngại cho giao thông.
Nhiều thiên tai như lũ quét, sương muối,...	Thuận lợi phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.
Khoáng sản phong phú.	Thích hợp trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.
Sông có nhiều thác ghềnh.	Gây thiệt hại về người và tài sản.

Bài tập 6 Hoàn thành sơ đồ về một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.



Bài tập 7 Quan sát khung chữ dưới đây, hãy khoanh tròn vào các từ khoá liên quan đến thiên nhiên vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

P	H	Í	A	B	Ắ	C	I	Ê	N	À	H	T
H	S	A	P	A	L	N	Ú	I	I	Đ	S	H
È	H	Ê	M	Ộ	C	C	H	Â	U	G	Ắ	A
Đ	Ồ	N	G	B	Ằ	N	G	Đ	C	N	T	N
Ồ	Ê	N	T	R	U	N	G	D	U	Ô	T	U
I	H	O	À	N	G	L	I	Ê	N	S	Ơ	N
P	H	A	N	X	I	P	Ă	N	G	V	E	G

Bài tập 8 Nếu đi leo núi Phan-xi-păng (tỉnh Lào Cai), em sẽ chọn đi vào mùa nào trong năm? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 5 DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc có đặc điểm nào sau đây?

A. Giống nhau giữa các tỉnh, các khu vực.

B. Có sự khác nhau giữa các tỉnh, các khu vực.

C. Mật độ dân số ở mức rất cao.

D. Khu vực miền núi có mật độ dân số cao hơn khu vực trung du.

1.2. Các dân tộc chủ yếu sinh sống ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

A. Mường, Thái, Dao, Mông, Tày, Nùng, Kinh,...

B. Kinh, Hà Nhì, Dao, Mông, Chăm,...

C. Hoa, Kinh, Mường, Thái, Khơ-me,...

D. Gia Rai, Xơ Đăng, Mạ, Ê Đê, Ba Na,...

1.3. Ruộng bậc thang thường được làm ở

A. đỉnh núi. B. sườn núi.

C. chân núi. D. trong thung lũng.

1.4. Ruộng bậc thang **không** có vai trò nào sau đây?

A. Hạn chế tình trạng phá rừng làm nương rẫy.

B. Đảm bảo lương thực cho người dân.

C. Giúp giao thông thuận tiện hơn.

D. Thúc đẩy hoạt động du lịch của vùng.

1.5. Ruộng bậc thang nổi tiếng ở tỉnh Tuyên Quang là

A. Hoàng Su Phì. B. Mù Cang Chải.

C. Sa Pa. D. Y Tý.

1.6. Tên của nhà máy thuỷ điện nằm ở tỉnh Sơn La là

A. Hoà Bình. B. Lai Châu.

C. Sơn La. D. Thác Bà.

1.7. Khai thác bô-xít phát triển mạnh ở tỉnh

A. Điện Biên. B. Cao Bằng.

C. Thái Nguyên. D. Lào Cai.

1.8. Vai trò quan trọng nhất của các nhà máy thuỷ điện ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là

A. phát triển du lịch.

B. nuôi trồng thuỷ sản.

C. giảm lũ cho các vùng đồng bằng.

D. cung cấp điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

1.9. A-pa-tít được khai thác chủ yếu để

A. sản xuất kim loại.

B. sản xuất điện.

C. sản xuất phân lân.

D. làm vật liệu xây dựng.

Bài tập 2 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành đoạn thông tin về dân cư vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

tập quán sinh hoạt *miền núi* *trung du*
đa dạng *khác nhau* *rộng*

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc là nơi sinh sống của nhiều dân tộc. Mỗi dân tộc có tiếng nói, ... và trang phục truyền thống riêng, tạo nên sự ..... về văn hoá của vùng.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có diện tích....., ít dân. Dân cư trong vùng phân bố ..... giữa các tỉnh, giữa khu vực ..... và khu vực .....

Bài tập 3 Dựa vào hình 3 trang 25 SGK, cho biết mật độ dân số của các tỉnh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2024 bằng cách hoàn thành bảng dưới đây.

Mật độ dân số *(người/km²)*	**Tỉnh**
Dưới 100	....
100 đến dưới 200	....

200 đến 300	.....
Trên 300	.....

Bài tập 4 Hoàn thành bảng dưới đây về một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Cách thức khai thác tự nhiên	Vai trò
Làm ruộng bậc thang	.....
Xây dựng công trình thuỷ điện	.....
Khai thác khoáng sản	.....

Bài tập 5 Dựa vào hình 6 trang 27 SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Mỏ khoáng sản	Tỉnh
A-pa-tít	.....
Sắt	.....
Đồng	.....

Bô-xít	.....
Đá vôi	.....

Bài tập 6 Dựa vào hình 6 trang 27 SGK, hãy kể tên một số nhà máy thuỷ điện ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cho biết các nhà máy thuỷ điện đó nằm trên sông nào.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 7 Hãy kể tên một số sản phẩm có nguồn gốc từ khoáng sản của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

.....

.....

.....

.....

Bài tập 8 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về công dụng của một số loại khoáng sản được khai thác ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

A	B
Khoáng sản kim loại	Sản xuất phân lân
A-pa-tít	Làm vật liệu xây dựng
Đá vôi	Sản xuất kim loại

BÀI 6 MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Hát Then là loại hình diễn xướng âm nhạc dân gian của những dân tộc nào?

A. Tày, Nùng, Lô Lô.
B. Tày, Mông, Nùng.
C. Tày, Nùng, Thái.
D. Tày, Thái, Dao.

1.2. Xoè là loại hình múa truyền thống của dân tộc nào?

A. Kinh.
B. Thái.
C. Tày.
D. Mường.

1.3. Xoè Thái được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm nào?

A. Năm 1990.
B. Năm 2011.
C. Năm 2000.
D. Năm 2021.

Bài tập 2 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

2.1. Những trò chơi dân gian nào thường được tổ chức trong các lễ hội ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc?

☐ Kéo co.
☐ Đẩy gậy.
☐ Té nước.
☐ Cờ người.

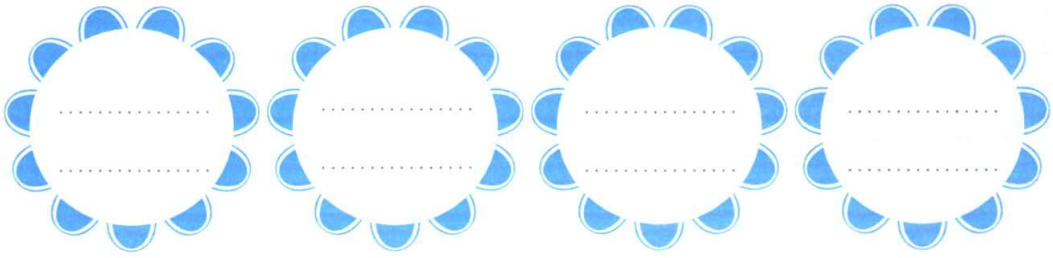
2.2. Thông qua các làn điệu Then, người dân mong muốn điều gì?

☐ Cuộc sống tốt lành, mùa màng bội thu.
☐ Trời yên biển lặng, ngư dân bắt được nhiều tôm cá.
☐ Con người khoẻ mạnh, bản mường ấm no.
☐ Các vị thần phù hộ để sinh nhiều con cái.

2.3. Xoè Thái thường được biểu diễn vào những dịp nào trong năm?

☐ Ngày lễ, tết.
☐ Ngày vui của gia đình, dòng họ.
☐ Ngày giỗ.
☐ Dịp cả gia đình đi tham quan.

Bài tập 3 Viết vào các bông hoa tên một số lễ hội thường được tổ chức ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.



Bài tập 4 Quan sát hình bên và nêu những điểm nổi bật của chợ phiên Bắc Hà.

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Khu vực bán gia súc ở chợ phiên Bắc Hà (tỉnh Lào Cai)

Bài tập 5 Viết 3 điểm giống, 3 điểm khác của chợ phiên vùng Trung du và miền núi phía Bắc với chợ nơi em sống (theo gợi ý dưới đây).

– **Điểm giống:**

1. Nhiều hàng hoá là sản phẩm do người dân địa phương làm ra.

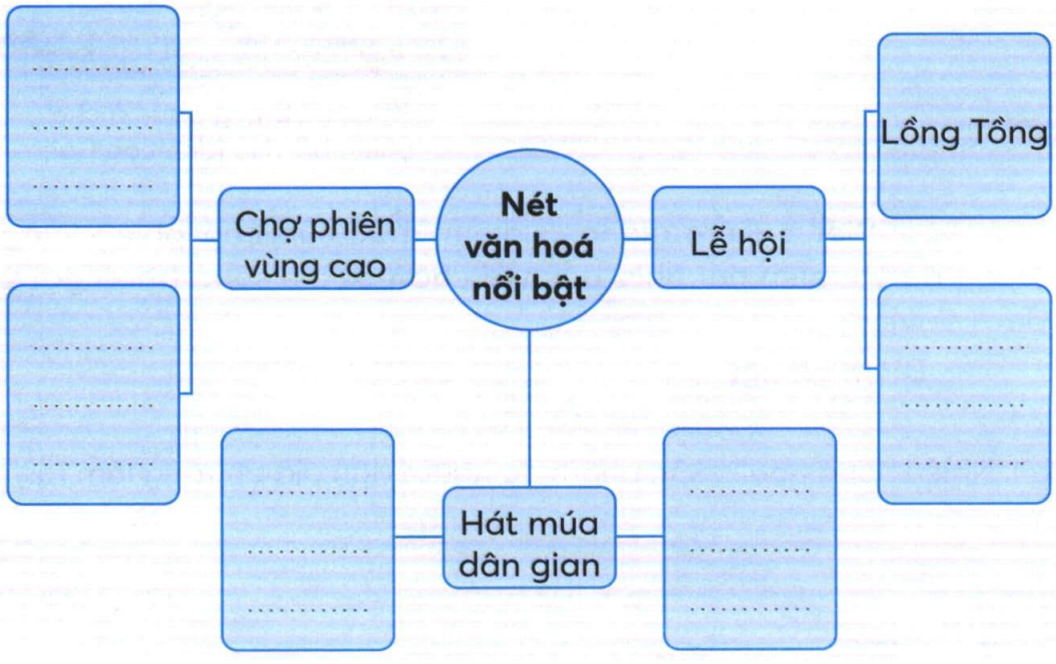
2. .....

3. .....

– **Điểm khác:**

Địa bàn	Điểm khác
Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	1. Họp vào những ngày nhất định. 2. ..... 3. .....
Nơi em sống	1. ..... 2. ..... 3. .....

Bài tập 6 Hoàn thành sơ đồ tư duy thể hiện một số nét văn hoá nổi bật ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.



BÀI 7 ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Khu di tích Đền Hùng thuộc tỉnh nào hiện nay?

A. Lào Cai.
B. Phú Thọ.
C. Thái Nguyên.
D. Lạng Sơn.

1.2. Hiện nay, lễ giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức vào thời gian nào trong năm?

A. Mồng Năm tháng Năm âm lịch.
B. Mồng Hai tháng Chín âm lịch.
C. Mồng Mười tháng Ba âm lịch.
D. Rằm tháng Tám âm lịch.

1.3. Lễ giỗ Tổ Hùng Vương được Nhà nước long trọng tổ chức hằng năm thể hiện truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam?

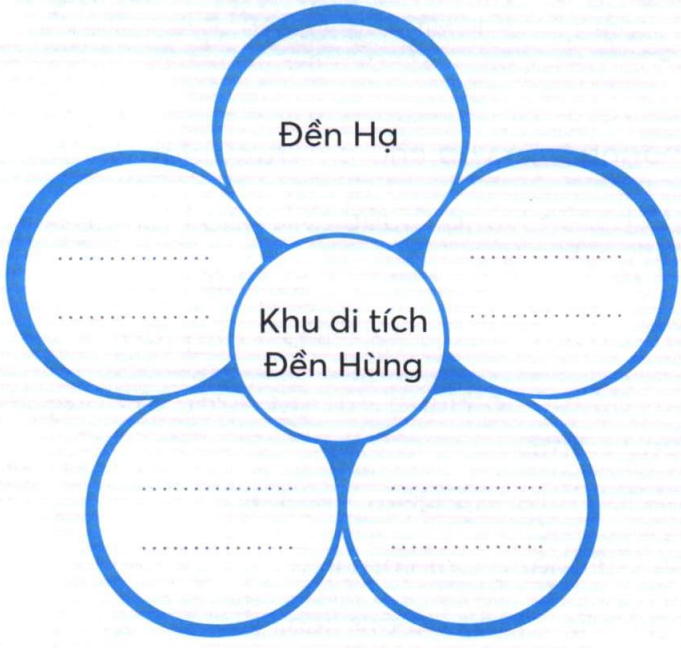
A. Tiên học lễ, hậu học văn.
B. Uống nước nhớ nguồn.
C. Tương thân tương ái.
D. Học thầy không tày học bạn.

Bài tập 2 Điền thông tin phù hợp vào chỗ trống (...) để hoàn thành câu ca dao sau.

Dù ai đi ..... về xuôi

Nhớ ngày giỗ Tổ ..... tháng Ba.

Bài tập 3 Viết vào những cánh hoa tên một số công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng.



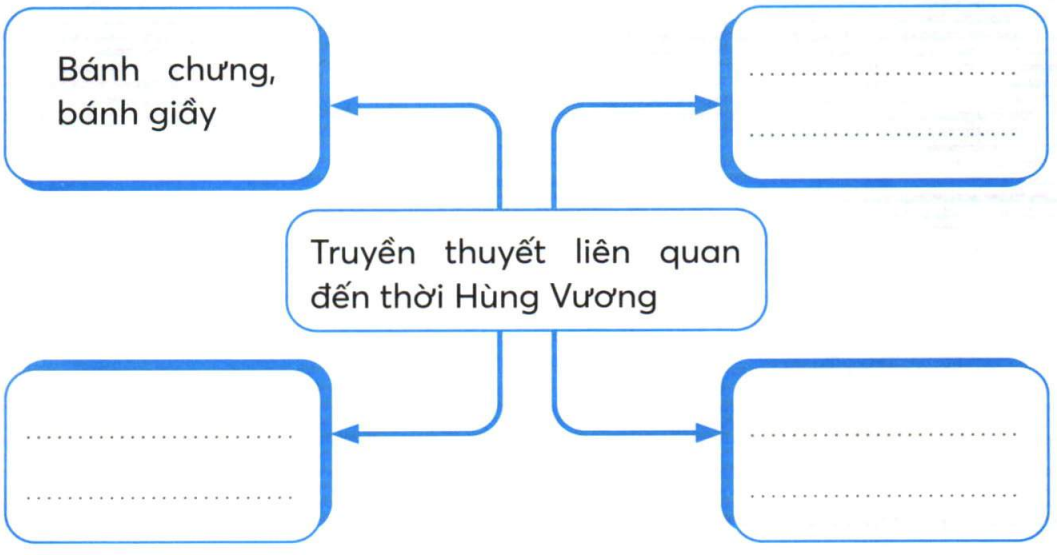
Bài tập 4 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành thông tin về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

uống nước nhớ nguồn, các đền, lễ rước kiệu vua, Đền Thượng, hoạt động, lễ dâng hương

Nghi thức quan trọng nhất là ..... và .....

Đoàn rước kiệu lần lượt đi qua ..... để đến ..... Tại đây, lễ dâng hương được tổ chức trang trọng, thể hiện đạo lí ..... Phần hội có các ..... như: thi gói bánh chưng, giã bánh giầy, hát Xoan, đấu vật,...

Bài tập 5 Viết vào chỗ trống (...) trong sơ đồ tư duy dưới đây về một số truyền thuyết liên quan đến thời Hùng Vương.



Bài tập 6 Từ hình ảnh và thông tin dưới đây, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu) nêu cảm nghĩ của mình về ý nghĩa của lễ giỗ Tổ Hùng Vương.



Tháng Ba giỗ Tổ Hùng Vương
Về nguồn dâng nén trầm hương đầu mùa.

(Ca dao)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 3.
ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

BÀI 8 THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ **không** tiếp giáp với

A. vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

B. vùng Nam Bộ.

C. vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

D. vịnh Bắc Bộ.

1.2. Địa hình vùng Đồng bằng Bắc Bộ

A. chủ yếu là đồi núi.

B. cao ở phía đông, thấp dần về phía tây.

C. có các dãy núi lan ra sát biển.

D. phần lớn tương đối bằng phẳng.

1.3. Địa hình đồi núi thấp tập trung ở phía nào của vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

A. Đông nam. B. Tây nam.

C. Tây bắc. D. Đông bắc.

1.4. Sông nào **không** chảy qua vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

A. Sông Hồng. B. Sông Đáy.

C. Sông Mã. D. Sông Luộc.

1.5. Loại đất chủ yếu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là

A. đất phù sa. B. đất phe-ra-lít.

C. đất mặn. D. đất phèn.

Bài tập 2 Quan sát hình 2 trang 37 SGK, hãy kể tên:

– Các vùng tiếp giáp với Đồng bằng Bắc Bộ: .....

.....

– Một số sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ: .....

.....

Bài tập 3 Điền thông tin vào chỗ trống (...) sao cho phù hợp với đặc điểm khí hậu của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới gió mùa với nhiệt độ trung bình năm trên ..... Mùa đông lạnh, ... Mùa hạ nóng, ... Lượng mưa trung bình năm từ .....

Bài tập 4 So sánh đặc điểm địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ với vùng Trung du và miền núi phía Bắc bằng cách hoàn thành bảng dưới đây.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Bài tập 5 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

- ☐ Vùng Đồng bằng Bắc Bộ được bồi đắp phù sa bởi hệ thống sông Hồng và sông Trà Lý.
- ☐ Các loại đất chủ yếu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là đất phù sa, đất phe-ra-lít, đất phèn, đất mặn.
- ☐ Sinh vật tự nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ chịu tác động lớn của con người.
- ☐ Vào mùa hạ, sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường cạn nước.
- ☐ Sinh vật tự nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ rất phong phú.

Bài tập 6 Hoàn thành bảng dưới đây về một số thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Thuận lợi	Khó khăn
– Vị trí địa lí thuận lợi	– Mùa đông, nhiệt độ hạ thấp ảnh hưởng .....
– Địa hình bằng phẳng thuận lợi	– Mùa hạ, thường có mưa lớn, bão, ngập lụt .....
– Hệ thống sông ngòi dày đặc	
– Vùng biển rộng với nhiều đảo, quần đảo	

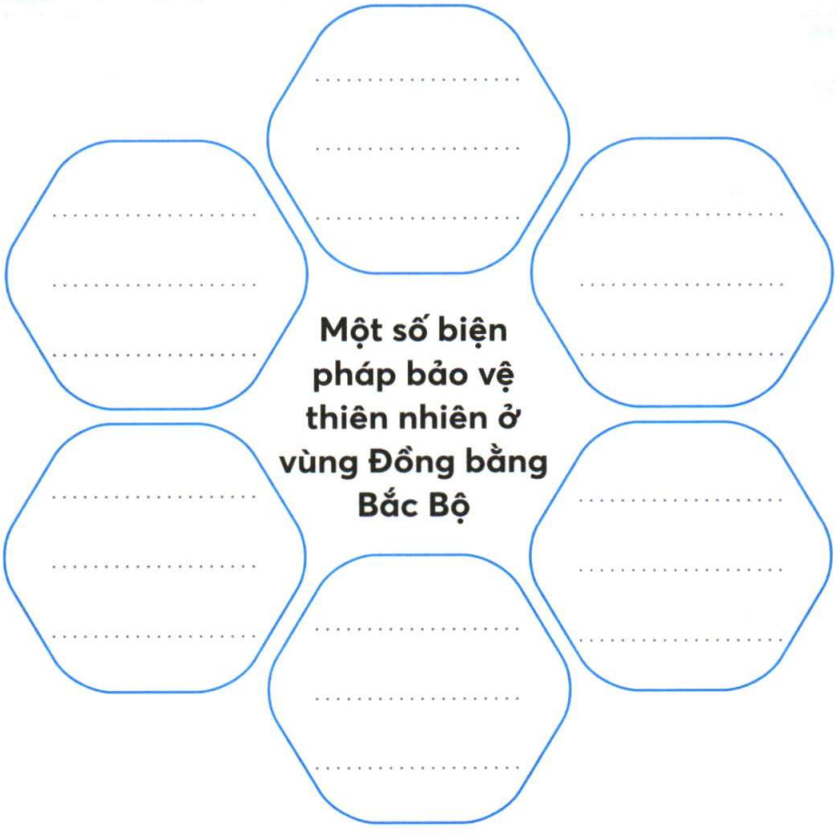
Bài tập 7 Điền thông tin vào chỗ trống (...) sao cho phù hợp về vấn đề bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ đang có một số vấn đề cần quan tâm là: .....

.....

Hiện nay, thiên nhiên của vùng còn bị gia tăng các tác động tiêu cực vì .....

Bài tập 8 Hoàn thành sơ đồ dưới đây về một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Bài tập 9 Vẽ một bức tranh thể hiện cảnh thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ theo tưởng tượng của em.

BÀI 9 DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Năm 2024, vùng Đồng bằng Bắc Bộ có số dân là

A. 14 triệu người. B. hơn 35 triệu người.

C. 21 triệu người. D. gần 25 triệu người.

1.2. Dân tộc chủ yếu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là

A. dân tộc Kinh. B. dân tộc Mông.

C. dân tộc Thái. D. dân tộc Chăm.

1.3. Đồng bằng Bắc Bộ là vùng trồng lúa lớn thứ mấy của nước ta?

A. Thứ nhất. B. Thứ hai.

C. Thứ ba. D. Thứ tư.

1.4. Gốm, sứ được tạo thành từ vật liệu nào?

A. Đồng. B. Cát.

C. Đất sét. D. Gỗ.

1.5. Hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ có vai trò

A. ngăn lũ và giúp trồng lúa nhiều vụ trong năm.

B. là đường giao thông kết nối với các vùng khác.

C. ngăn phù sa sông bồi đắp.

D. ngăn sạt lở ven sông.

Bài tập 2 Dựa vào hình 2 trang 42 SGK, cho biết mật độ dân số của các tỉnh hoặc thành phố ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ năm 2024 bằng cách hoàn thành bảng dưới đây.

Mật độ dân số *(người/km²)*	**Tỉnh/thành phố**
Dưới 500	.....
500 đến dưới 1 000	.....

1 000 đến 1 500	.....
Trên 1 500	.....

Bài tập 3 Giải thích vì sao vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dân cư tập trung đông đúc.

.....

.....

.....

Bài tập 4 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B sao cho phù hợp về các làng nghề truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

A	B
Làng Đại Bái (Bắc Ninh)	Gốm
Làng Vạn Phúc (Hà Nội)	Chạm bạc
Làng Đồng Xâm (Hưng Yên)	Thêu ren
Làng Bát Tràng (Hà Nội)	Đúc đồng
Làng Văn Lâm (Ninh Bình)	Lụa

Bài tập 5 Hãy sắp xếp các công đoạn sau sao cho đúng thứ tự khi trồng lúa nước và làm gốm.

thu hoạch lúa cấy lúa làm đất chăm sóc lúa

a) Trồng lúa nước: .....

.....

phơi sấy tạo hình sản phẩm tráng men nung

b) Làm gốm .....

.....

Bài tập 6 Gạch chân dưới những cụm từ mô tả hệ thống đê sông Hồng.

Trải nhựa hoặc bê tông	Thấp, rộng	Dọc hai bờ sông
Đắp bằng đất	Dọc bờ biển	Cao, to
Lớn nhất cả nước	Đắp bằng đá	Hàng nghìn ki-lô-mét

Bài tập 7 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

- ☐ Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều làng nghề thủ công truyền thống.
- ☐ Đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào giúp vùng Đồng bằng Bắc Bộ phát triển trồng lúa nước.
- ☐ Các sản phẩm thủ công truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ chuyên dùng để xuất khẩu.
- ☐ Dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ tập trung đông đúc nhất nước ta.
- ☐ Trồng cây công nghiệp là hoạt động sản xuất truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- ☐ Ngoài trồng lúa nước, vùng Đồng bằng Bắc Bộ còn trồng rau màu và cây ăn quả.

BÀI 10 MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Bài tập 1 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

1.1. Làng quê truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường có những gì?

☐ Luỹ tre xanh.	☐ Cây đa.
☐ Giếng nước.	☐ Nhà thờ.
☐ Sân đình.	☐ Hồ sen.

1.2. Một số lễ hội nổi tiếng ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ là gì?

- ☐ Hội Lim.
- ☐ Lễ hội Gầu Tào.
- ☐ Hội Gióng.
- ☐ Lễ hội Phủ Giày.
- ☐ Lễ hội Ka-tê.
- ☐ Lễ hội Lồng Tồng.

Bài tập 2 Điền chữ Đ vào ô trống trước câu đúng và chữ S vào ô trống trước câu sai.

- ☐ Làng quê truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường có luỹ tre, cổng làng, cây đa, giếng nước, sân đình.
- ☐ Nhà truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường là nhà cao tầng, xây bằng gạch, ngói.
- ☐ Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều lễ hội lớn.
- ☐ Lễ hội được tổ chức để cầu mong may mắn đến với mọi người.

Bài tập 3 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp với đặc trưng của làng quê truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

A	B
Đình làng	là cửa ngõ ra vào làng.
Cổng làng	là nơi cung cấp nguồn nước sinh hoạt chính cho dân làng.
Giếng nước	là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hoá chung của làng.
Sân đình	là nơi thờ Thành hoàng làng, thường được xây dựng ở vị trí trung tâm.

Bài tập 4 So sánh nhà ở truyền thống và nhà ở hiện nay của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Tiêu chí so sánh	Nhà ở truyền thống	Nhà ở hiện nay
Giống nhau	.....	
Khác nhau	.....	.....

Bài tập 5 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành mô tả về lễ hội làng quê truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

mùa màng bội thu, mùa xuân, đánh đu, kéo co, đánh vật, cờ người

Các lễ hội thường diễn ra vào ..... để cầu cho mọi người đều được khoẻ mạnh, ... Trong các lễ hội, người dân mặc trang phục truyền thống, tổ chức tế lễ và nhiều hoạt động vui chơi, giải trí như: ... ., ..., ...

Bài tập 6 Hoàn thành bảng về một số nét văn hoá tiêu biểu của làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Một số nét văn hoá	Đặc điểm
Làng quê truyền thống	....
Nhà ở	....
Lễ hội	....

BÀI 11 SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Đoạn sông Hồng trên lãnh thổ Việt Nam bắt nguồn từ tỉnh nào?

A. Lào Cai. B. Tuyên Quang.

C. Lai Châu. D. Lạng Sơn.

1.2. Nền văn minh sông Hồng hình thành cách ngày nay bao nhiêu năm?

A. Khoảng 1 500 năm. B. Khoảng 2 500 năm.

C. Khoảng 2 700 năm. D. Khoảng 3 000 năm.

1.3. Trống đồng Đông Sơn được phát hiện lần đầu tiên ở đâu?

A. Phú Thọ.　　B. Sơn La.

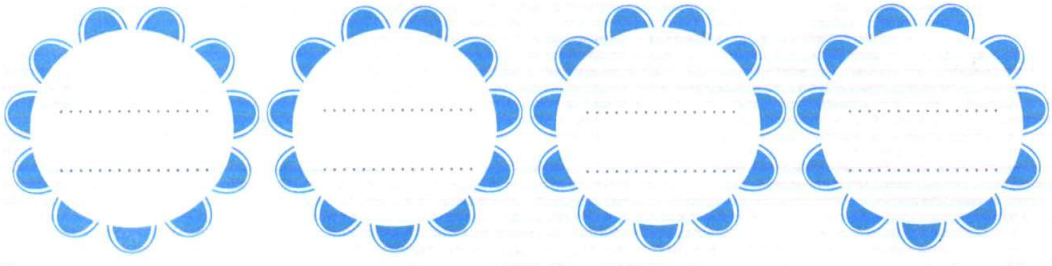
C. Thanh Hoá.　　D. Ninh Bình.

1.4. Thành Cổ Loa là kinh đô của nhà nước nào?

A. Văn Lang.　　B. Âu Lạc.

C. Đại Cồ Việt.　　D. Đại Việt.

Bài tập 2 Viết vào các bông hoa một số tên gọi khác của sông Hồng.



Bài tập 3 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) trong câu dưới đây để hoàn thành thông tin về văn minh sông Hồng.

trống đồng Đông Sơn, Hùng Vương, An Dương Vương, thành Cổ Loa, Lạc hầu, Lạc tướng

Thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng là sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, ..., ...

Đứng đầu Nhà nước Văn Lang là ....., đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là ....; giúp việc cho vua có ....., ...

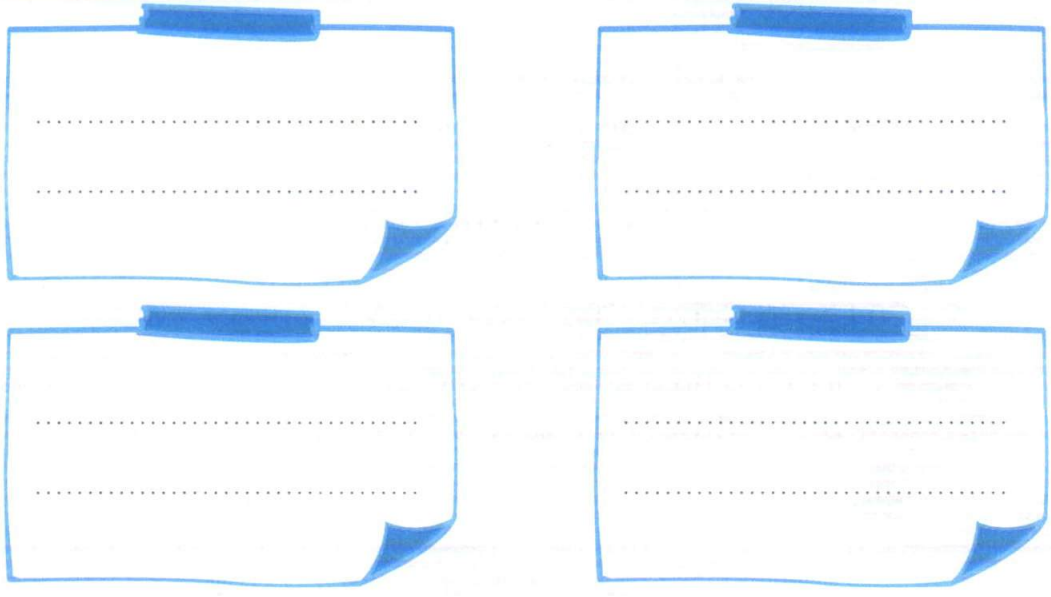
Bài tập 4 Điền chữ Đ vào ô trống trước câu đúng và chữ S vào ô trống trước câu sai.

- ☐ Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc.
- ☐ Văn minh sông Hồng là nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.
- ☐ Trống đồng Ngọc Lũ là loại trống đẹp nhất của trống đồng Đông Sơn.
- ☐ Cổ Loa là kinh đô của Nhà nước Văn Lang.

Bài tập 5 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

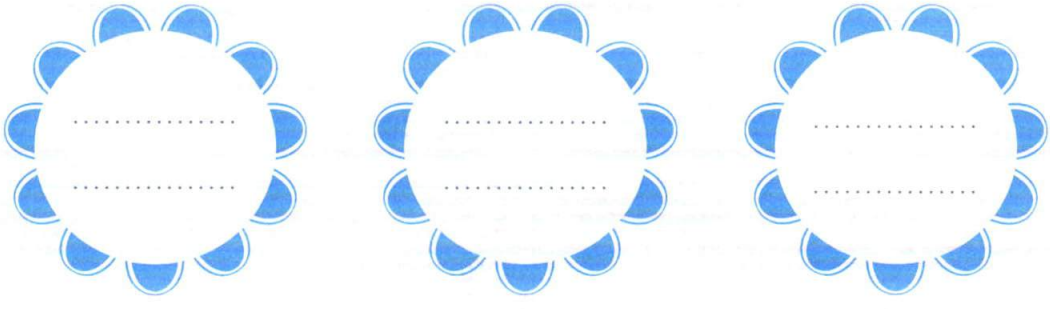
A	B
	Nguồn lương thực chính là gạo, chủ yếu là gạo nếp.
Đời sống vật chất	Nhà ở: nhà sàn.
	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần như: thần Sông, thần Núi,...
	Phương tiện đi lại: chủ yếu bằng thuyền.
Đời sống tinh thần	Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải.
	Phong tục: nhuộm răng đen, ăn trầu,...
	Nam đóng khố, cởi trần; nữ mặc váy và áo yếm.

Bài tập 6 Viết vào thẻ dưới đây một số lợi ích của sông Hồng.

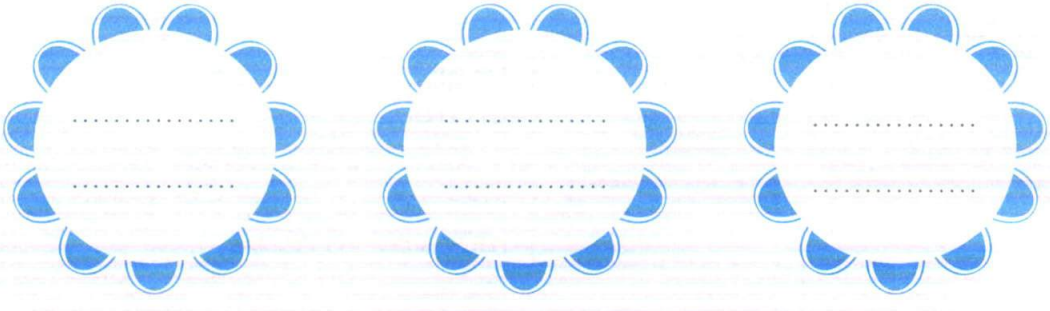


Bài tập 7 Viết vào bông hoa những việc nên làm, không nên làm để gìn giữ và phát huy giá trị của sông Hồng.

– *Những việc nên làm:*



– *Những việc không nên làm:*



Bài tập 8 Em hãy làm một tấm áp phích tuyên truyền mọi người bảo vệ sông Hồng.

BÀI 12 THĂNG LONG – HÀ NỘI

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Vị vua nào thời Lý đổi tên Đại La thành Thăng Long?

A. Lý Thái Tổ.
B. Lý Thánh Tông.
C. Lý Nhân Tông.
D. Lý Huệ Tông.

1.2. Yếu tố nào dưới đây **không** phải lợi thế của thành Đại La?

A. Muôn vật phong phú, tốt tươi.
B. Đất rộng, bằng phẳng, màu mỡ.
C. Dân không khổ vì ngập lụt.
D. Có thể phòng thủ nhờ địa hình đồi núi.

1.3. Ý nghĩa của tên gọi Thăng Long thời Lý là gì?

A. Thanh bình, thịnh vượng.
B. Trường tồn, yên vui.
C. Rồng bay lên.
D. Rồng phượng về chầu.

1.4. Thủ đô Hà Nội nằm ở vùng nào của nước ta?

A. Trung du và miền núi phía Bắc. B. Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Bài tập 2 Điền chữ Đ vào ô trống trước câu đúng và chữ S vào ô trống trước câu sai.

☐ Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.

☐ Lý Thái Tổ đổi tên Đại La thành Hà Nội.

☐ Trải qua các thời kì lịch sử, Thăng Long – Hà Nội trở thành kinh đô của nhiều triều đại phong kiến và là Thủ đô của nước ta ngày nay.

☐ Năm 2010, Hà Nội kỉ niệm 1 000 năm Thăng Long – Hà Nội.

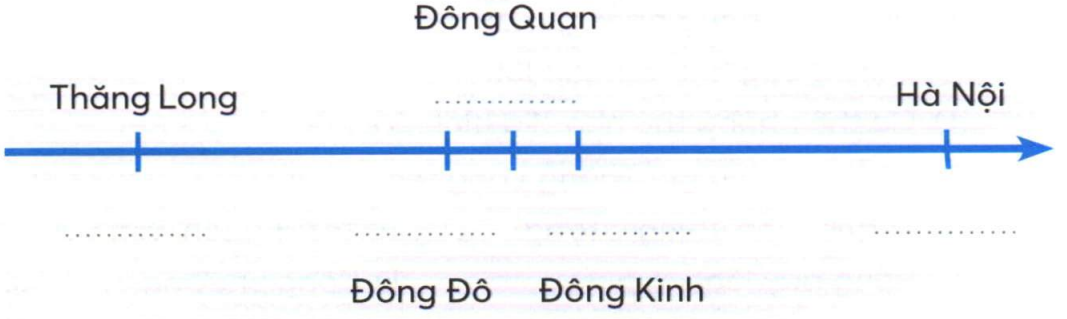
Bài tập 3 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành đoạn thông tin về sự kiện Lý Công Uẩn dời đô ra thành Thăng Long.

Thăng Long, Lý Công Uẩn, Đại La, Trần, Lý, Hậu Lê.

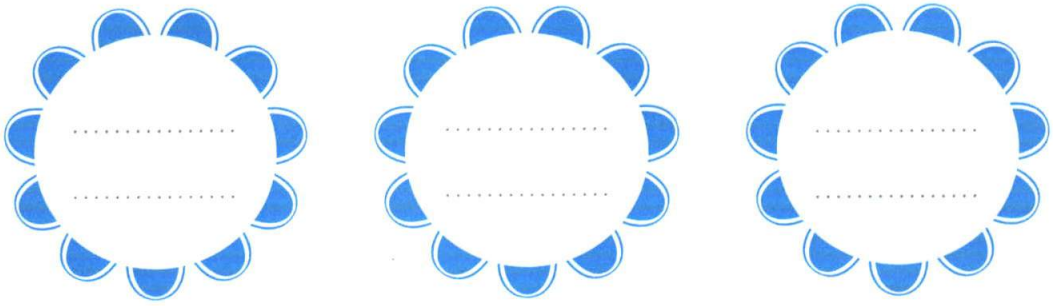
Sau khi được tôn lên làm vua, ... dời đô ra ..... vào năm 1010 và đổi tên Đại La thành .....

Từ đó, nơi đây là kinh đô của các triều đại: ....., ..., ...

Bài tập 4 Viết mốc thời gian vào chỗ trống (...) tương ứng với tên gọi Thăng Long – Hà Nội qua các thời kì lịch sử.



Bài tập 5 Viết vào các bông hoa một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.



Bài tập 6 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về các sự kiện lịch sử tiêu biểu của Thăng Long – Hà Nội.

A	B
Năm 1882	Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
Ngày 2 – 9 – 1945	Quân và dân Hà Nội chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.
Cuối tháng 12 – 1972	Quân và dân ta chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Tổng đốc Hoàng Diệu.

Bài tập 7 Nêu một số dẫn chứng chứng minh Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của cả nước.

Về chính trị: .....

.....

.....

Về kinh tế: .....

.....

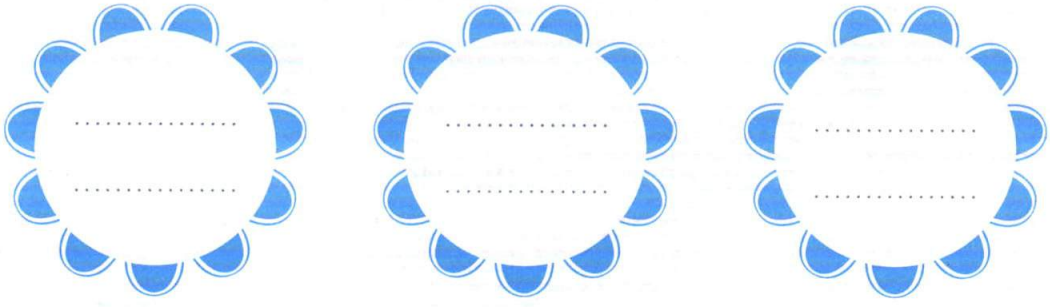
.....

Về văn hoá, giáo dục: .....

.....

.....

Bài tập 8 Viết vào mỗi bông hoa một biện pháp để gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống của Hà Nội.



Bài tập 9 Thiết kế một tấm áp phích tuyên truyền về việc bảo vệ di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh của Hà Nội.

BÀI 13 VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Văn Miếu – Quốc Tử Giám được bắt đầu xây dựng vào thời nào?

A. Thời Lý. B. Thời Trần.

C. Thời Lê. D. Thời Nguyễn.

1.2. Công trình nào ở khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội?

A. Cổng Văn Miếu. B. Khuê Văn Các.

C. Nhà bia Tiến sĩ. D. Khu Đại Thành.

Bài tập 2 Điền thông tin còn thiếu vào chỗ trống (...) cho phù hợp với câu nói của Thân Nhân Trung.

Hiền tài là ..... quốc gia, ... thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, ... suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp.

Bài tập 3 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về chức năng các công trình tiêu biểu ở khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

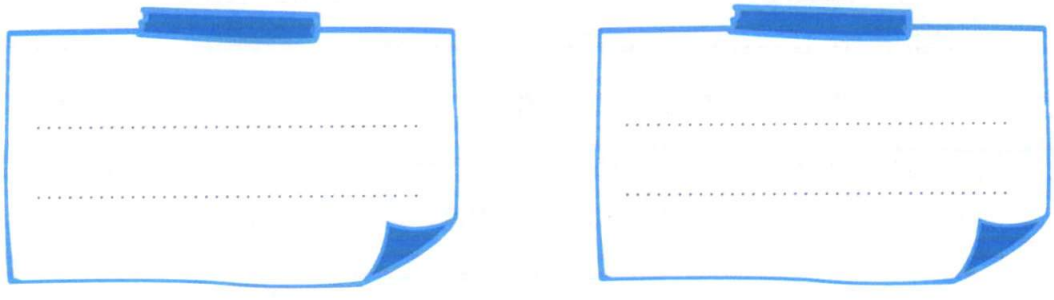
A	B
Nhà bia Tiến sĩ	Là nơi thờ Khổng Tử và các học trò của ông.
Văn Miếu	Là nơi học tập của các hoàng tử, con gia đình quý tộc, quan lại và những người giỏi trong nước.
Quốc Tử Giám	Là nơi đặt các bia đá khắc tên những người đỗ Tiến sĩ thời Hậu Lê và thời Mạc.

Bài tập 4 Điền chữ Đ vào ô trống trước câu đúng và chữ S vào ô trống trước câu sai.

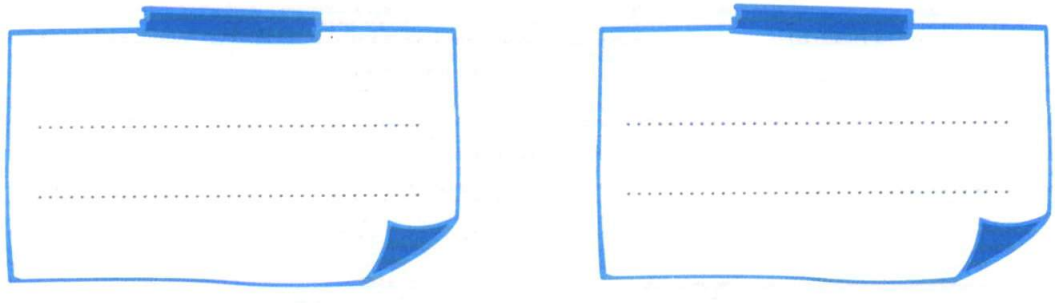
- ☐ Văn Miếu – Quốc Tử Giám được bắt đầu xây dựng dưới thời nhà Nguyễn.
- ☐ Việc dựng bia ghi danh những người đỗ đạt nhằm khuyến khích tinh thần hiếu học trong nhân dân.
- ☐ Văn Miếu – Quốc Tử Giám được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới.
- ☐ Ngày nay, Văn Miếu – Quốc Tử Giám là nơi để tìm hiểu và tôn vinh truyền thống hiếu học của dân tộc.

Bài tập 5 Viết vào thẻ những việc nên làm, không nên làm để góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

– Những việc nên làm:



– Những việc không nên làm:



Bài tập 6 Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu) chia sẻ cảm nghĩ của em về truyền thống hiếu học của dân tộc sau khi tìm hiểu về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 14 ÔN TẬP

Bài tập 1 Hãy trình bày một số nét chính về địa phương em.

– Tên tỉnh hoặc thành phố: .....

– Đặc điểm thiên nhiên nổi bật: .....

.....

.....

.....

– Một số hoạt động sản xuất: .....

.....

.....

.....

– Một số nét văn hoá đặc sắc: .....

.....

.....

– Tên một số danh nhân tiêu biểu: .....

.....

Bài tập 2 Hoàn thành bảng dưới đây:

BẢNG ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Vùng / Đặc điểm	Trung du và miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng
Dân cư	.....	.....
Hoạt động sản xuất	.....	.....
Một số nét văn hoá	.....	.....

Bài tập 3 Nối các ô chữ ở bên trái và bên phải với các ô chữ ở giữa sao cho phù hợp.

Phần lớn địa hình tương đối bằng phẳng. Có khu vực đồi núi thấp ở phía đông bắc

Hai hệ thống sông là sông Hồng và sông Thái Bình

Nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ – văn minh sông Hồng

Mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, các sông có nhiều thác ghềnh

Địa hình chủ yếu là đồi, núi. Ngoài ra, còn có một số cao nguyên và vùng trung du

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương

Trung du và miền núi phía Bắc

Đồng bằng Bắc Bộ

Khí hậu chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi độ cao địa hình

Văn Miếu – Quốc Tử Giám

Lễ hội Lồng Tồng

Chợ phiên vùng cao

Có mùa đông lạnh nhất cả nước

Đền Hùng

Bài tập 4 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành các câu dưới đây.

a) Địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ (cao/thấp) ..... hơn vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

b) Sông ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc có độ dốc (lớn/nhỏ) ..... hơn vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

c) Nhiệt độ mùa đông của vùng Trung du và miền núi phía Bắc (cao/thấp) ..... hơn vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

d) Dân cư của vùng Đồng bằng Bắc Bộ (đông đúc/thưa thớt) ..... hơn vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

e) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc nổi tiếng với lễ hội (Gầu Tào/Rước cá Ông) ....., lễ hội (Lồng Tồng/ Phủ Giày) .....

g) Lễ giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức vào ngày mồng Mười tháng Ba âm lịch hằng năm, nhằm tôn vinh công lao dựng nước của các (hoàng đế/Vua Hùng) .....

h) Vua Lý Thái Tổ đổi tên thành Đại La là thành Thăng Long, nghĩa là (rồng vàng/Rồng bay lên) .....

i) Văn Miếu là (nơi thờ Khổng Tử/trường học) ..... Quốc Tử Giám là (nơi thờ Chu Văn An/ trường học) .....

CHỦ ĐỀ 4.
BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

BÀI 15 THIÊN NHIÊN VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ **không** tiếp giáp với

A. Lào.
B. Trung Quốc.
C. Nam Bộ.
D. Cam-pu-chia.

1.2. Đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là

A. giáp với Lào và Trung Quốc.
B. nằm ở phía nam của đất nước.
C. không giáp biển.
D. cầu nối giữa vùng lãnh thổ phía bắc và phía nam đất nước.

1.3. Địa danh nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ?

A. Đảo Lý Sơn.
B. Quần đảo Trường Sa.
C. Quần đảo Cát Bà.
D. Quần đảo Hoàng Sa.

1.4. Nhận định nào sau đây là đúng về đặc điểm địa hình ở phía tây của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ?

A. Có các đồng bằng rộng lớn.
B. Có địa hình đồi núi và các cao nguyên xếp tầng.
C. Có nhiều cồn cát và đầm phá.
D. Có các dải đồng bằng nhỏ, hẹp.

1.5. Dãy núi chắn gió mùa Đông Bắc thổi từ phía bắc xuống phía nam của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là

A. Trường Sơn. B. Tam Điệp.

C. Bạch Mã. D. Con Voi.

1.6. Khí hậu Bắc Trung Bộ có đặc điểm

A. nhiệt độ cao quanh năm.

B. nhiệt độ thấp quanh năm.

C. có một đến hai tháng nhiệt độ dưới 15°C.

D. có một đến hai tháng nhiệt độ dưới 20°C.

1.7. Khí hậu phía nam dãy Bạch Mã có nền nhiệt cao quanh năm là do

A. giáp Biển Đông.

B. lãnh thổ hẹp ngang.

C. ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

D. chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc.

1.8. Thiên tai nào sau đây thường xuyên xảy ra ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ?

A. Sương muối, bão. B. Sạt lở đất, sương muối.

C. Bão, ngập lụt, hạn hán. D. Rét đậm, rét hại và bão.

1.9. Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ **không** có kiểu rừng nào sau đây?

A. Rừng rậm nhiệt đới. B. Rừng khộp.

C. Rừng ngập mặn. D. Rừng lá kim.

1.10. Sông ngòi ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Có nhiều sông.

B. Sông ngắn và dốc.

C. Sông dài và chế độ nước điều hoà.

D. Có nhiều thác ghềnh.

Bài tập 2 Dựa vào bảng 2 trang 71 SGK, hãy nhận xét nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng ở Buôn Ma Thuột bằng cách hoàn thành bảng dưới đây.

Các tháng mùa mưa	.....
Các tháng mùa khô	.....
Tháng có nhiệt độ cao nhất	Tháng ..... Có nhiệt độ là .....
Tháng có nhiệt độ thấp nhất	Tháng ..... Có nhiệt độ là .....
Tháng có lượng mưa cao nhất	Tháng ..... Có lượng mưa là .....
Tháng có lượng mưa thấp nhất	Tháng ..... Có lượng mưa là .....

Bài tập 3 Dựa vào hình 2 trang 67 SGK, hãy:

a) Kể tên các vùng và quốc gia tiếp giáp với vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

b) Kể tên một số đảo và quần đảo ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

c) Kể tên một số sông ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

d) Kể tên một số vườn quốc gia ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

Bài tập 4 Dựa vào hình 2 trang 67 SGK, hãy điền thông tin vào chỗ trống (...) cho phù hợp về tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

a) Dãy núi dài nhất Việt Nam chạy dọc phía tây của vùng là

.....

b) Dãy núi tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là .....

c) Đèo nổi tiếng nằm trên dãy Bạch Mã là .....

.....

d) Hai quần đảo quan trọng về kinh tế và quốc phòng thuộc vùng là .....

Bài tập 5 Hoàn thành bảng dưới đây về độ cao của các cao nguyên ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Cao nguyên	**Độ cao trung bình** *(mét)*	**Thứ tự độ cao**
Kon Tum	.....	.....

Pleiku	.....	.....
Đắk Lắk	.....	.....
Lâm Viên	.....	.....
Di Linh	.....	.....
Mơ Nông	.....	.....

Bài tập 6 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B sao cho phù hợp về đặc điểm tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.





Địa hình	Có sự khác biệt giữa khu vực phía bắc và phía nam dãy Bạch Mã.
Khí hậu	Đường bờ biển dài, vùng biển rộng, có nhiều đảo và quần đảo.
Sông ngòi	Đất phù sa ở ven biển, đất phe-ra-lít ở khu vực đồi núi và cao nguyên.
Đất	Phía tây là vùng đồi núi và cao nguyên; phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp.
Rừng	Ba kiểu rừng chính là rừng rậm nhiệt đới, rừng khộp và rừng ngập mặn.
Biển	Nhiều sông ngòi, chủ yếu là sông ngắn và dốc.

Bài tập 7 So sánh đặc điểm về vị trí, địa hình và khí hậu của Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ bằng cách hoàn thành bảng sau đây.

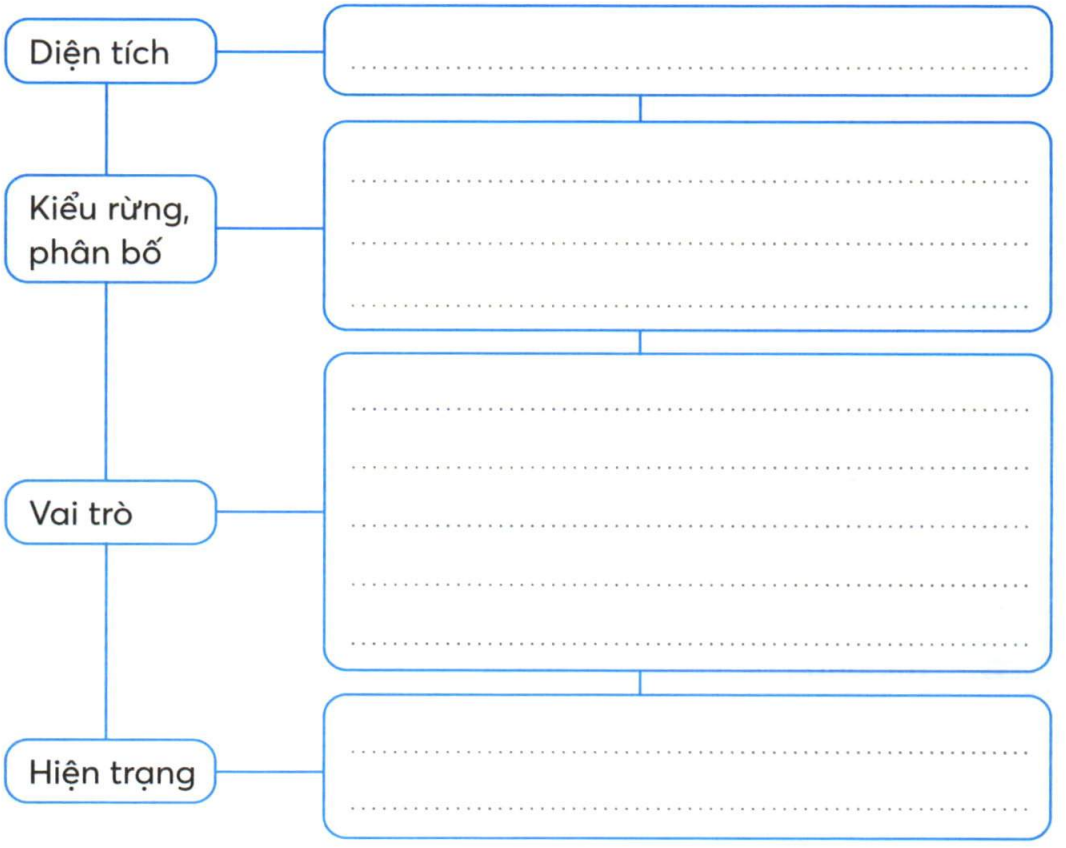
	Bắc Trung Bộ	Nam Trung Bộ
Vị trí	.....	.....
Địa hình	.....	.....
Khí hậu	.....	.....

Bài tập 8 Hoàn thành bảng sau đây về đặc điểm đất ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

	Phù sa	Phe-ra-lít
Phân bố	.....	.....
Cây trồng thích hợp	.....	.....

Bài tập 9 Hoàn thành sơ đồ dưới đây về đặc điểm tài nguyên rừng ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

TÀI NGUYÊN RỪNG Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ



Bài tập 10 Gạch chân những biện pháp giúp bảo vệ rừng ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

a) Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên.

b) Xây dựng các công trình thuỷ lợi.

c) Trồng rừng.

d) Tuyên truyền và vận động người dân cùng tham gia bảo vệ rừng.

e) Phục hồi rừng.

g) Đốt rừng làm nương rẫy.

Bài tập 11 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

- ☐ Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ nằm ở giữa lãnh thổ nước ta.
- ☐ Vùng có đường bờ biển dài và vùng biển rộng lớn.
- ☐ Phía đông của vùng là các dãy núi cao.
- ☐ Vùng thường xảy ra bão và ngập lụt vào khoảng tháng 9 đến tháng 12.
- ☐ Vùng có hai kiểu rừng chính là rừng khộp và rừng ngập mặn.

Bài tập 12 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành bảng về tác động của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống của người dân vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Phát triển trồng trọt, chăn nuôi gia súc *Hạn hán kéo dài*
Phát triển du lịch *Mưa lớn, bão, ngập lụt,...*
Phát triển thuỷ điện, điện gió, điện mặt trời *Cát bay ở ven biển*
Phát triển kinh tế biển *Lũ quét, sạt lở đất*

Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Bài tập 13 Nêu một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

.....

Bài tập 14 Hãy nêu những việc em có thể làm để chia sẻ khó khăn với các bạn ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ khi có thiên tai xảy ra.

.....

.....

.....

.....

Bài tập 15 Sưu tầm hình ảnh và viết lời giới thiệu ngắn (3 – 4 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

.....

BÀI 16 DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Các dân tộc sinh sống chủ yếu ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là

A. Kinh, Hoa, Khơ-me, Tày, Thái, Vân Kiều,...

B. Kinh, Chăm, Thái, Mường, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na,...

C. Mông, Thái, Mường, Nùng, Sán Dìu, Lô Lô,...

D. Chăm, Hoa, Khơ-me, Kinh, Pà Thẻn, Sán Chay,...

1.2. Năm 2024, vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có số dân

A. hơn 15 triệu người.

B. dưới 20 triệu người.

C. hơn 20 triệu người.

D. hơn 27 triệu người.

1.3. Hoạt động kinh tế nào sau đây **không** phải là hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ?

A. Khai thác than đá.

B. Đánh bắt và nuôi trồng hải sản.

C. Trồng cây công nghiệp.

D. Phát triển thuỷ điện.

1.4. Địa danh nổi tiếng với nghề làm muối ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là

A. Sa Huỳnh. B. Nha Trang.

C. Sầm Sơn. D. Non Nước.

1.5. Bãi biển Lăng Cô thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

A. Thanh Hoá. B. Đà Nẵng.

C. Huế. D. Khánh Hoà.

1.6. Các cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là

A. quế, lạc, mía, thuốc lá,...

B. chè, quế, trẩu, hồi,...

C. dâu tằm, đậu tương, bông, lạc,...

D. cà phê, hồ tiêu, cao su, chè,...

1.7. Một số vật nuôi chính ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là

A. dê, bò, lợn,... B. trâu, cừu, gia cầm,...

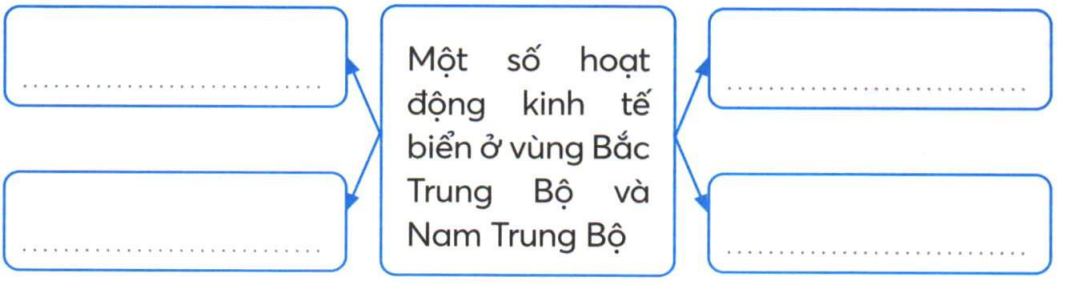
C. lợn, bò, trâu,... D. voi, bò, lợn,...

1.8. Nhà máy thuỷ điện nào sau đây ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ?

A. Sơn La. B. Hoà Bình.

C. Thác Bà. D. Ialy.

Bài tập 2 Hoàn thành sơ đồ dưới đây.



Bài tập 3 Hãy ghi tên hoạt động kinh tế vào chỗ trống (...) dưới hình.



.....



.....



.....



.....

Bài tập 4 Các địa danh sau nổi tiếng với những hoạt động kinh tế biển nào?

– Dung Quất: .....

– Lý Sơn: .....

– Non Nước: .....

– Cà Ná: .....

– Chân Mây: .....

– Lăng Cô: .....

– Gia Lai: .....

Bài tập 5 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về điều kiện phát triển một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

A	B
Làm muối	Vùng biển rộng, nhiều hải sản.
	Nước biển mặn.
Đánh bắt và nuôi trồng hải sản	Nhiều bãi tắm, vịnh biển, đảo có phong cảnh đẹp.
	Vùng biển rộng và dài.
Du lịch biển	Nhiều vịnh kín gió.
	Nhiều nắng.
Giao thông vận tải biển	Nhiều đầm phá, cửa sông.

Bài tập 6 Hoàn thành bảng dưới đây về một số địa danh nổi tiếng ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Địa danh	Thuộc tỉnh (thành phố)
Cà Ná	.....

Mỹ Khê	.....
Cù lao Chàm	.....
Sầm Sơn	.....
Cửa Lò	.....
Thiên Cầm	.....
Lý Sơn	.....
Chân Mây	.....
Sa Huỳnh	.....
Nha Trang	.....

Bài tập 7 Sửa lại các câu dưới đây cho đúng khi nói về hoạt động kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

a) Vùng có địa hình đa dạng, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động kinh tế biển.

.....

b) Đây là vùng trồng lúa lớn hàng đầu cả nước.

.....

c) Đây là vùng nuôi gia cầm lớn thứ hai của nước ta.

.....

d) Sông ngòi ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có độ dốc lớn nên thuận lợi phát triển giao thông đường thuỷ.

.....

e) Việc xây dựng các nhà máy thuỷ điện không gây ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên ở vùng.

.....

Bài tập 8 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về điều kiện phát triển một số hoạt động kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

A	B
Trồng cây công nghiệp	Sông chảy qua nhiều bậc địa hình có độ dốc lớn, có nhiều thác ghềnh.
Chăn nuôi gia súc	Số giờ nắng cao, gió mạnh và ổn định.
Phát triển thủy điện	Khí hậu phù hợp, hai loại đất chính là phe-ra-lít và phù sa.
Phát triển điện mặt trời, điện gió	Nguồn thức ăn dồi dào, khí hậu thuận lợi, khoa học – công nghệ phát triển.

Bài tập 9 Dựa vào hình 9 trang 75 SGK và kiến thức đã học, hãy hoàn thành bảng sau đây.

	Phía tây	Phía đông
Địa hình	.....	.....
Đất	.....	.....
Cây trồng chính	.....	.....

Bài tập 10 Dựa vào hình 9 trang 75 SGK, cho biết sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ bằng cách hoàn thành bảng sau đây.

Cây trồng, vật nuôi	Tỉnh (thành phố)
Cà phê	.....
Điều	.....
Hồ tiêu	.....
Chè	.....
Cao su	.....
Mía	.....
Lạc	.....
Lợn	.....
Bò	.....
Trâu	.....

Bài tập 11 Dựa vào hình 9 trang 75 SGK, hãy kể tên một số nhà máy thuỷ điện, điện gió, điện mặt trời.

– Nhà máy thuỷ điện: .....

.....

– Nhà máy điện gió: .....

.....

– Nhà máy điện mặt trời: .....

.....

Bài tập 12 Sưu tầm một số thông tin, hình ảnh về một sản phẩm của cây công nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 17 MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ trước đáp án đúng.

1.1. Lễ hội nào **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ?

A. Lễ hội Ka-tê. B. Lễ hội Hoa ban.

C. Lễ Rước cá Ông. D. Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa.

1.2. Lễ Rước cá Ông bắt nguồn từ phong tục nào?

A. Tục thờ cá Voi. B. Thờ Thành hoàng.

C. Thờ thần Biển. D. Tín ngưỡng của ngư dân miền biển

1.3. Lễ hội Ka-tê diễn ra vào thời gian nào trong năm?

A. Tháng 2. B. Tháng 4.

C. Tháng 9. D. Khoảng tháng 9 – 10 (tháng 7 lịch Chăm).

Bài tập 2 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

2.1. Di sản văn hoá vật thể nào của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ đã được UNESCO ghi danh?

☐ Thánh địa Mỹ Sơn (thành phố Đà Nẵng).

☐ Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Trị).

☐ Phố cổ Hội An (thành phố Đà Nẵng).

☐ Tháp Pô Klong Ga-rai (tỉnh Khánh Hoà).

2.2. Lễ Rước cá Ông được tổ chức nhằm mục đích gì?

☐ Tỏ lòng biết ơn, sự tôn kính của ngư dân đối với cá Ông.

☐ Tưởng nhớ các vị thần.

☐ Cầu cho trời yên biển lặng, ngư dân may mắn, được mùa tôm cá.

☐ Cuộc sống tốt lành, mùa màng bội thu.

2.3. Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa có ý nghĩa như thế nào?

☐ Cầu mong được mùa tôm cá.

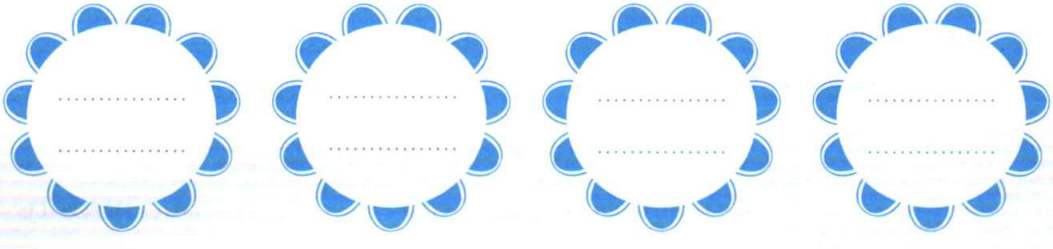
☐ Tri ân đội Hoàng Sa năm xưa.

☐ Mong muốn trời yên biển lặng.

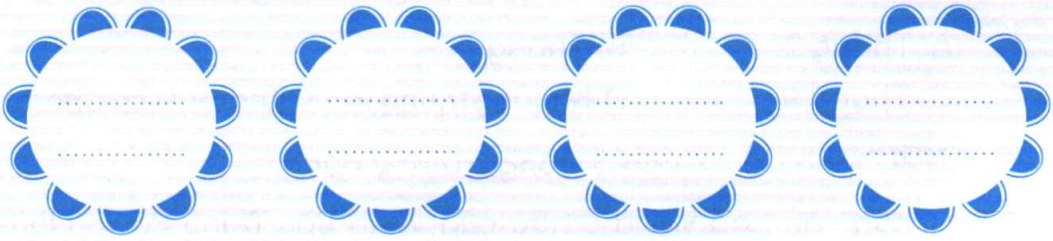
☐ Giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương.

Bài tập 3 Dựa vào hình 2 trang 79 SGK, viết vào mỗi bông hoa tên một di sản thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

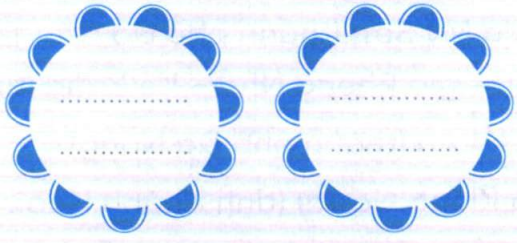
– *Di sản văn hoá vật thể:*



– *Di sản văn hoá phi vật thể:*



– *Di sản tư liệu:*



Bài tập 4 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành các đoạn mô tả về một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

a. may mắn, lòng biết ơn với cá Ông, trời yên biển lặng.
b. cuộc sống ấm no, khoảng tháng 9 – 10 hằng năm, các vị thần.
c. lễ đua thuyền tứ linh, biển đảo, đội Hoàng sa, thế hệ trẻ.
d. cổ truyền độc đáo, 2 năm, Đua voi, tinh thần thượng võ.

a) Lễ Rước cá Ông nhằm thể hiện ..... và cũng là dịp cầu cho ....., ngư dân ....., được mùa tôm cá.

b) Lễ hội Ka-tê của đồng bào Chăm được tổ chức vào .... để tưởng nhớ ..... và cầu cho ....., hạnh phúc.

c) Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa gồm nhiều hoạt động như: tế lễ cổ truyền, ...nhằm tri ân .... năm xưa, đồng thời giáo dục ....về trách nhiệm giữ gìn .....quê hương.

d) Lễ hội..... được tổ chức.....1 lần vào tháng Ba âm lịch. Đây là một trong những lễ hội..... ..... của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, nhằm tôn vinh..... và tài nghệ thuần dưỡng voi.

Bài tập 5 Đánh dấu X vào ☐ trước ý đúng.

Nhà rông của một số dân tộc khu vực cao nguyên vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ được dùng để

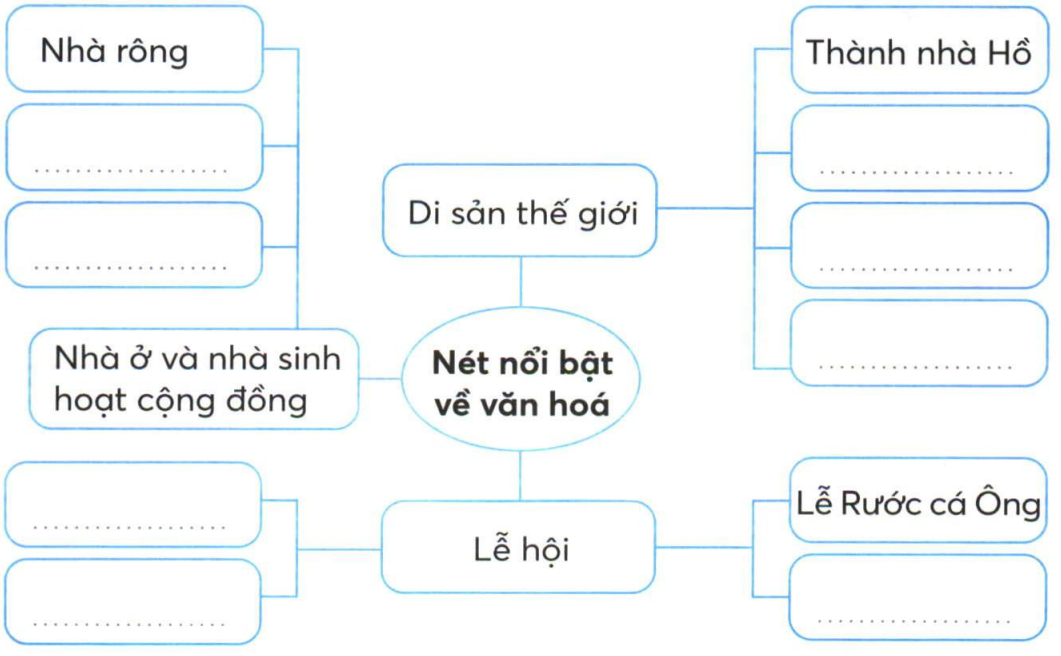
☐ làm nhà ở của đại gia đình.

☐ làm nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.

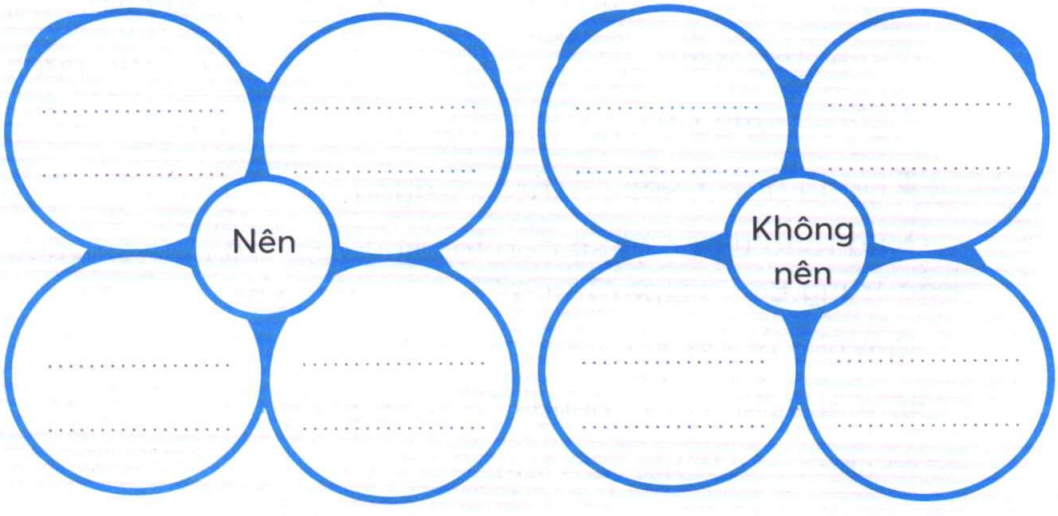
☐ tổ chức các lễ hội tâm linh.

☐ lưu giữ hiện vật truyền thống của mỗi gia đình.

Bài tập 6 Hoàn thành sơ đồ tư duy về một số nét nổi bật của văn hoá vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.



Bài tập 7 Viết vào các cánh hoa những việc nên làm/không nên làm để góp phần giữ gìn văn hoá ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.



BÀI 18 TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Nhiều phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp xâm lược ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ đã nổ ra

A. từ giữa thế kỉ XIX. B. từ cuối thế kỉ XIX.

C. từ giữa thế kỉ XX. D. từ cuối thế kỉ XX.

1.2. Ai là người lãnh đạo đồng bào các dân tộc Xtiêng, Mnông,... nổi dậy chống lại giặc Pháp vào cuối thế kỉ XIX?

A. Hồ Kan Lịch. B. N'Trang Lơng.

C. Phan Bội Châu. D. Phan Châu Trinh.

1.3. Nguyễn Tất Thành rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước vào năm nào?

A. Năm 1908. B. Năm 1911.

C. Năm 1920. D. Năm 1930.

1.4. Ai là người được Bác Hồ nhận xét "là người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao"?

A. Huỳnh Thúc Kháng. B. Trần Phú.

C. Phan Bội Châu. D. Võ Nguyên Giáp.

Bài tập 2 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành thông tin về truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

truyền thống yêu nước, cách mạng; Võ Nguyên Giáp; chống Pháp xâm lược; phong trào Duy tân; đồng bào các dân tộc thiểu số; Hồ Kan Lịch

Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là vùng đất giàu .... Từ cuối thế kỉ XIX, nhiều phong trào đấu tranh yêu nước ..... đã nổ ra, tiêu biểu như: khởi nghĩa Hương Khê, ..., phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh,...

Nơi đây cũng là quê hương của nhiều nhà yêu nước, cách mạng tiêu biểu như: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Chí Minh, Trần Phú, ...,...

Cùng với đồng bào Kinh, ... trong vùng anh dũng đứng lên đấu tranh với các tấm gương tiêu biểu như: Đinh Núp, N'Trang Lơng,..... .....,...

Bài tập 3 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về một số tấm gương yêu nước, cách mạng tiêu biểu ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

A	B
	Ông từng bị thực dân Pháp bắt và đày đi Côn Đảo suốt 13 năm.
Huỳnh Thúc Kháng	UNESCO tôn vinh Người là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.
Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh	Ông đã lãnh đạo đồng bào các dân tộc Ba Na, Ê Đê,... đứng lên chống thực dân Pháp.
	Năm 1946, ông được giao trọng trách Quyền Chủ tịch nước.
Đinh Núp	Người có công sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930.
	Năm 1955, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Bài tập 4 Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu) nêu cảm nghĩ của mình về truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 19 CỐ ĐÔ HUẾ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Công trình kiến trúc nào thuộc quần thể kiến trúc Cố đô Huế?

A. Chùa Cầu. B. Hội quán Phúc Kiến.

C. Chùa Thiên Mụ. D. Nhà cổ Tấn Ký.

1.2. Kinh thành Huế được xây dựng vào triều đại nào?

A. Triều Lý. B. Triều Nguyễn.

C. Triều Trần. D. Triều Lê sơ.

1.3. Ai là người tổ chức cuộc phản công ở Kinh thành Huế năm 1885?

A. Nguyễn Thiện Thuật. B. Vua Hàm Nghi.

C. Tôn Thất Thuyết. D. Nguyễn Tri Phương.

1.4. Sự kiện vua Bảo Đại đọc chiếu thoái vị và trao lại ấn kiếm cho chính quyền cách mạng năm 1945 có ý nghĩa gì?

A. Chứng tỏ nhân dân Huế đã giành được chính quyền.

B. Cách mạng tháng Tám thành công trên cả nước.

C. Đánh dấu sự thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám trên đất Cố đô Huế.

D. Thể hiện tinh thần chiến đấu, khát vọng giành độc lập của nhân dân Huế.

Bài tập 2 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành mô tả về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên của Cố đô Huế.

Ngự Bình, nên thơ, dòng sông Hương, kinh thành, sông Hương, hùng vĩ

Cảnh quan thiên nhiên Cố đô Huế được điểm tô bởi vẻ đẹp của ..... uốn lượn quanh .... Núi ..... nằm cạnh ....., mang vẻ đẹp ..... mà ..... với bốn mùa thông reo, chim hót.

Bài tập 3 Viết tên một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Cố đô Huế.

.....

.....

.....

.....

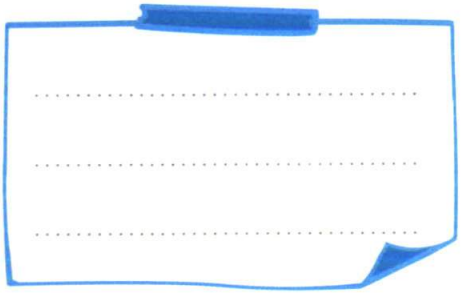
.....

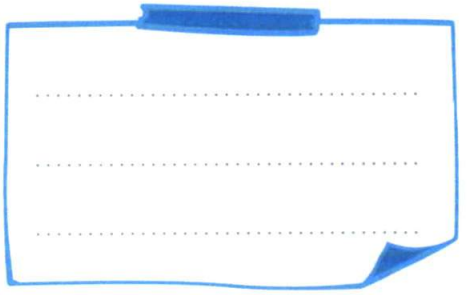
Bài tập 4 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ (...) trống để hoàn thành câu chuyện lịch sử *Cuộc phản công ở Kinh thành Huế.*

triều đình, toà Khâm sứ Pháp, Tôn Thất Thuyết, bối rối, cố thủ, tấn công

Đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 – 7 – 1885, dưới sự lãnh đạo của ....., quân ta bất ngờ ..... đồn Mang Cá và ..... Bị đánh bất ngờ, quân Pháp vô cùng ..... và .....đến gần sáng thì đánh trả lại, khiến quân ..... tổn thất lớn.

Bài tập 5 Viết vào thẻ 2 ý nghĩa của cuộc phản công Kinh thành Huế năm 1885.

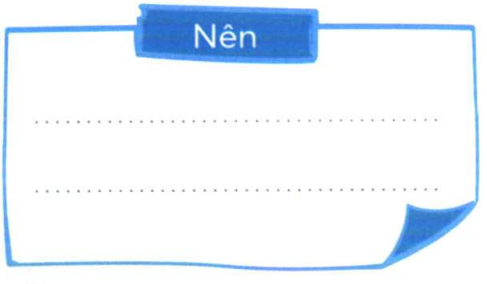


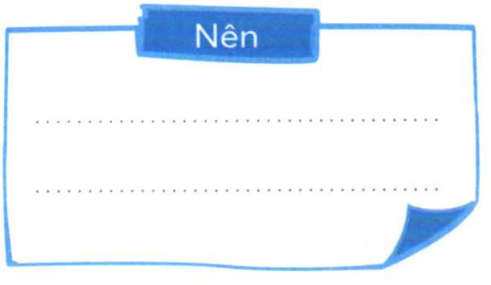


Bài tập 6 Đánh số từ 1 đến 6 để sắp xếp các câu dưới đây theo đúng nội dung câu chuyện *Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Huế*.

Hoà trong không khí Cách mạng tháng Tám của cả nước, ngày 23 – 8 – 1945, nhân dân đã giành được chính quyền.	
Sự kiện này đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám trên đất Cố đô Huế.	
Trên kì đài, cờ đỏ sao vàng tung bay giữa những tiếng hô vang.	
Vua Bảo Đại đọc chiếu thoái vị và trao ấn kiếm cho chính quyền cách mạng.	
Chiều 30 – 8 – 1945, trước cổng Ngọ Môn, hàng vạn người dân xứ Huế chứng kiến giờ phút lịch sử.	
"Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm!"	

Bài tập 7 Viết vào thẻ dưới đây 2 việc nên làm, 2 việc không nên làm để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích Cố đô Huế.





Không nên

.....

.....

Không nên

.....

.....

Bài tập 8 Em hãy thiết kế một tấm áp phích nhằm tuyên truyền về việc bảo vệ di tích Cố đô Huế.

BÀI 20 PHỐ CỔ HỘI AN

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Phố cổ Hội An nằm ở vị trí nào?

A. Hạ lưu sông Hương.

B. Thượng lưu sông Thu Bồn.

C. Hạ lưu sông Thu Bồn.

D. Hạ lưu sông Tranh.

1.2. Nhà cổ ở phố cổ Hội An được xây dựng vào thời gian nào?

A. Thế kỉ XVI.

B. Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX.

C. Thế kỉ XVII.

D. Thế kỉ XIX.

1.3. Hội quán nào **không** thuộc phố cổ Hội An?

A. Phúc Kiến.

B. Quảng Đông.

C. Hải Nam.

D. Nghĩa An.

1.4. Theo truyền thuyết, Chùa Cầu được xây dựng nhằm mục đích gì?

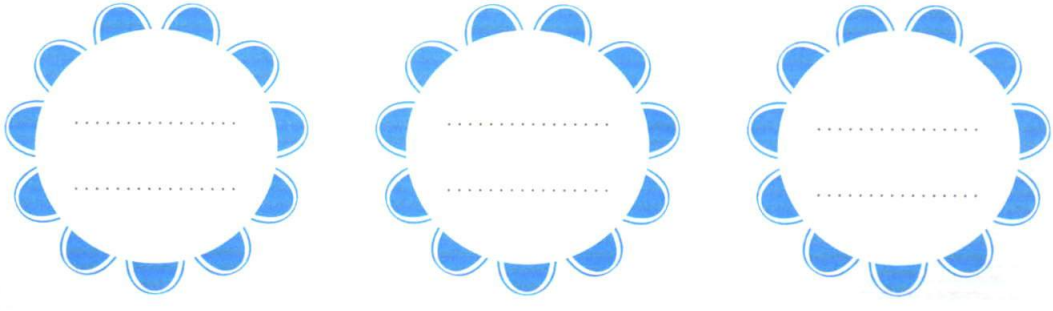
A. Hạn chế sức mạnh của thuỷ quái.

B. Giúp nhân dân đi lại thuận lợi hơn.

C. Phát triển du lịch.

D. Ngăn động đất, lũ lụt xảy ra.

Bài tập 2 Viết vào những bông hoa tên một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở Hội An.



Bài tập 3 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An.

A	B
Nhà cổ	Được làm bằng gỗ, hình vòng cung, mái lợp ngói âm dương, hai bên đều có hành lang cho du khách dừng chân ngắm cảnh.
Hội quán của người Hoa	Xây dựng trên nền đất rộng, cao ráo, quay mặt về hướng nam và mang đậm phong cách kiến trúc Trung Hoa.
Chùa Cầu	Phổ biến là nhà một hoặc hai tầng. Chiều ngang nhà thường hẹp, nhưng chiều sâu tương đối dài. Không gian kiến trúc nhà gồm: nơi buôn bán, nơi sinh hoạt và thờ tự.

Bài tập 4 Lựa chọn từ hoặc cụm từ cho sẵn phù hợp và điền vào chỗ trống (...) để hoàn thiện truyền thuyết về Chùa Cầu.

Hội An, Ấn Độ, sức mạnh, con thuỷ quái, cựa mình, Nhật Bản, người dân, lưng thuỷ quái

Chùa Cầu gắn liền với ..... trong truyền thuyết của ....., có đầu nằm ở .....,

lưng vắt qua khe nước ở ..... và đuôi ở tận Nhật Bản. Mỗi khi nó ..... thì động đất, lũ lụt lại xảy ra.

Để hạn chế ..... của thuỷ quái, người Nhật Bản ở Hội An đã xây dựng ngôi chùa trên cầu như một thanh kiếm chắn ngang ....., ngăn không cho nó cựa mình. Từ đó, cuộc sống của ..... ba quốc gia được yên bình.

Bài tập 5 Quan sát các hình 1, 2, kết hợp với kiến thức đã học, em hãy viết khoảng 3 – 5 câu nêu cảm nhận về vẻ đẹp của phố cổ Hội An.



Hình 1. Nhà cổ Tấn Ký



Hình 2. Chùa Cầu

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 6 Quan sát hình 3 và tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, hãy cho biết: Vì sao phố cổ Hội An là điểm đến của nhiều du khách trong nước và quốc tế?



Hình 3. Du lịch trên sông Hoài ở Hội An

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

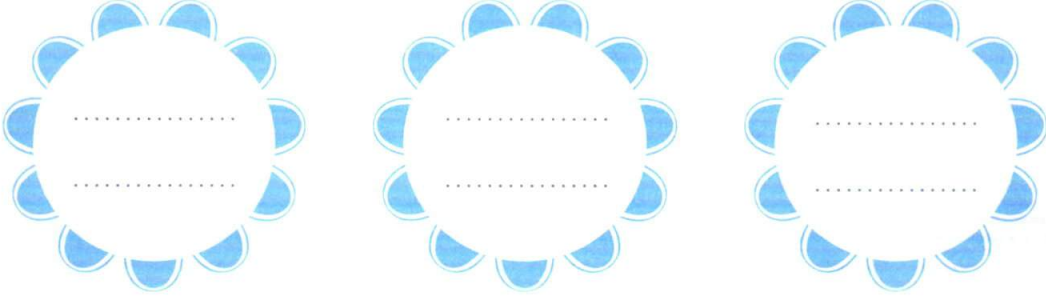
.....

Bài tập 7 Viết vào bông hoa những việc nên làm và không nên làm để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

– Những việc nên làm:



– Những việc không nên làm:



BÀI 21 LỄ HỘI CỒNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên thuộc địa bàn các tỉnh nào hiện nay của nước ta?

A. Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.

B. Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Quảng Trị.

C. Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.

D. Lâm Đồng, Quảng Ngãi.

1.2. Cồng chiêng thường được sử dụng trong những dịp nào?

A. Trong các lễ hội.

B. Ngày hội và sinh hoạt cộng đồng.

C. Các nghi lễ.

D. Tất cả các ý trên.

1.3. Một hoạt động không thể thiếu trong các lễ hội của đồng bào Tây Nguyên là gì?

A. Thi nấu cơm.

B. Đánh cồng chiêng.

C. Kéo co.

D. Múa Xoè.

1.4. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên thuộc Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên được tổ chức

A. luân phiên hằng năm giữa các tỉnh.

B. luân phiên ba năm một lần giữa các tỉnh.

C. cố định hằng năm ở một tỉnh.

D. hằng năm ở tất cả các tỉnh.

Bài tập 2 Viết vào thẻ dưới đây tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.

.....

.....

Bài tập 3 Hoàn thành bảng hệ thống về một số hoạt động chính trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

TT	Hoạt động
1	.....

2	.....
3	.....
...	.....

Bài tập 4 Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy cho biết: Ngoài các dân tộc Tây Nguyên, còn có dân tộc nào trên đất nước Việt Nam cũng sử dụng cồng chiêng?

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 5.
NAM BỘ

BÀI 22 THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Phần đất liền vùng Nam Bộ tiếp giáp với quốc gia

A. Thái Lan. B. Lào.

C. Cam-pu-chia. D. Trung Quốc.

1.2. Vùng Nam Bộ tiếp giáp với biển nào sau đây?

A. Biển Đông. B. Biển Hồ.

C. Biển Hoa Đông. D. Biển Đen.

1.3. Nam Bộ là vùng lãnh thổ nằm ở phía nào của nước ta?

A. Phía đông. B. Phía tây.

C. Phía nam. D. Phía bắc.

1.4. Vùng Nam Bộ bao gồm:

A. Đông Nam Bộ và Đồng Tháp Mười.

B. Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

C. Tây Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và phần phía nam Tây Nguyên.

1.5. Địa hình chủ yếu của Nam Bộ là

A. cao nguyên. B. đồi núi thấp.

C. đồng bằng. D. các vùng trũng dễ ngập nước.

1.6. Đỉnh núi cao nhất vùng Nam Bộ là

A. Bà Đen. B. Chứa Chan.

C. Bà Rá. D. Núi Cấm.

1.7. Vùng trũng dễ ngập nước ở Nam Bộ **không** bao gồm

A. Đồng Tháp Mười. B. Kiên Giang.

C. Cà Mau. D. Tây Ninh.

1.8. Độ cao chủ yếu của địa hình vùng Nam Bộ là

A. 0 – 50 m. B. 50 – 100 m.

C. 200 – 500 m. D. trên 500 m.

1.9. Sông nào **không** chảy qua Nam Bộ?

A. Sông Đồng Nai. B. Sông Sê San.

C. Sông Tiền. D. Sông Hậu.

Bài tập 2 Quan sát hình 1 trang 100 SGK, hãy điền các thông tin thích hợp vào chỗ trống (...).

a) Vùng Nam Bộ tiếp giáp với .....

.....

.....

b) Một số sông lớn ở vùng Nam Bộ là .....

.....

.....

c) Một số kênh ở vùng Nam Bộ là .....

.....

.....

d) Tên các cửa sông Mê Công là .....

.....

.....

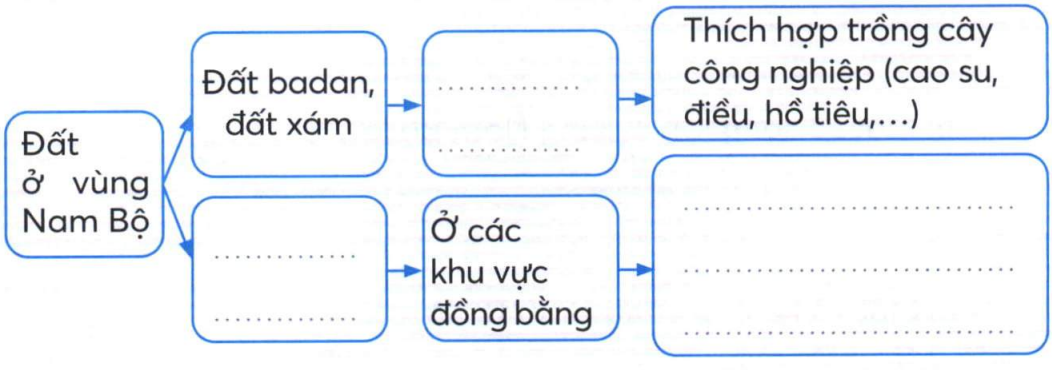
Bài tập 3 So sánh địa hình của Đông Nam Bộ với đồng bằng sông Cửu Long bằng cách hoàn thành bảng dưới đây.

Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
.....	.....
.....	.....
.....	.....

Bài tập 4 Điền thông tin vào chỗ trống (...) sao cho phù hợp về đặc điểm khí hậu vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có nhiệt độ ....., trung bình năm trên 27°C. Khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng ..... đến tháng ....., mùa khô từ tháng ..... đến tháng ..... năm sau. Mùa khô ....., gây ra tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất.

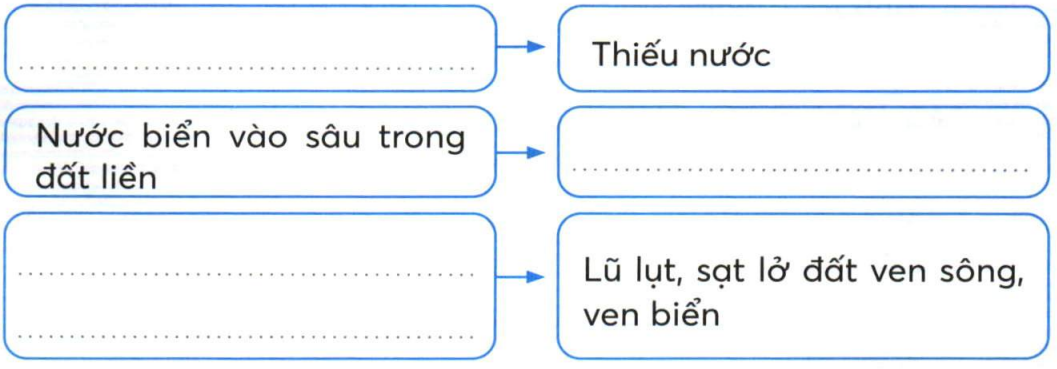
Bài tập 5 Hoàn thành sơ đồ dưới đây về đặc điểm đất của vùng Nam Bộ.



Bài tập 6 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về thuận lợi của môi trường tự nhiên đến sản xuất và đời sống ở vùng Nam Bộ.

A	B
Địa hình bằng phẳng	Phát triển đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản.
Tiếp giáp Biển Đông, có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt	Thích hợp trồng cây công nghiệp, lúa, rau, cây ăn quả nhiệt đới,...
Đất badan, đất xám, đất phù sa	Thuận lợi cho sinh sống, giao thông, sản xuất.
	Phát triển giao thông đường thuỷ.

Bài tập 7 Hoàn thành sơ đồ dưới đây về một số khó khăn của môi trường tự nhiên đến sản xuất và đời sống ở vùng Nam Bộ.



BÀI 23 DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG NAM BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Các dân tộc sống chủ yếu ở vùng Nam Bộ là

A. Khơ-me, Hoa, Chăm, Xơ Đăng,...

B. Kinh, Thái, Mường, Chăm,...

C. Dao, Mông, Tày, Hoa,...

D. Kinh, Khơ-me, Hoa, Chăm,...

1.2. Năm 2024, vùng Nam Bộ có số dân là gần

A. 25 triệu người. B. 30 triệu người.

C. 37 triệu người. D. 40 triệu người.

1.3. Vùng Nam Bộ **không** phát triển nuôi

A. tôm, cá. B. gà, vịt.

C. dê, cừu. D. bò, lợn.

1.4. Cây công nghiệp được trồng chủ yếu ở

A. Đông Nam Bộ.

B. Đồng Tháp Mười.

C. đồng bằng sông Cửu Long.

D. Tứ giác Long Xuyên.

1.5. Tỉnh hoặc thành phố nào tập trung nhiều hoạt động sản xuất công nghiệp nhất ở vùng Nam Bộ?

A. Tỉnh An Giang.
B. Thành phố Hồ Chí Minh.
C. Tỉnh Đồng Nai.
D. Thành phố Cần Thơ.

Bài tập 2 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng.

- ☐ Vùng Nam Bộ có sản lượng thuỷ sản lớn nhất cả nước.
- ☐ Vùng Nam Bộ sử dụng nhiều máy móc hiện đại trong việc trồng lúa.
- ☐ Vùng Nam Bộ có ngành công nghiệp phát triển nhất nước ta.
- ☐ Nam Bộ là vùng trồng lúa và cây công nghiệp lớn nhất nước ta.
- ☐ Các hoạt động sản xuất công nghiệp tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ.

Bài tập 3 Kể tên một số cây trồng, vật nuôi, ngành công nghiệp chính ở vùng Nam Bộ.

- Cây ăn quả: .....
- Cây công nghiệp: .....
- Vật nuôi: .....
- Nuôi trồng thuỷ sản: .....
- Ngành công nghiệp: .....

Bài tập 4 Dựa vào hình 1 trang 104 SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Cây trồng	Phân bố (tỉnh hoặc thành phố)
Lúa	....
Cây ăn quả	....

Hồ tiêu	.....
Điều	.....
Cao su	.....

Bài tập 5 Dựa vào hình 1 trang 104 SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Vật nuôi	Phân bố (tỉnh hoặc thành phố)
Bò	.....
Lợn	.....
Gia cầm (gà, vịt)	.....
Nuôi trồng thuỷ sản	.....

Bài tập 6 Dựa vào hình 4 trang 105 SGK, hãy hoàn thành bảng dưới đây.

Ngành công nghiệp	Phân bố (tỉnh hoặc thành phố)
Khai thác dầu thô	.....
Điện tử – tin học	.....
Dệt may	.....

Chế biến lương thực	.....
Nhiệt điện	.....

BÀI 24 MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO NAM BỘ

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Nhà ở truyền thống của nhân dân vùng sông nước Nam Bộ phổ biến là kiểu nhà nào?

A. Nhà dài. B. Nhà rông.

C. Nhà lợp ngói. D. Nhà sàn, nhà nổi.

1.2. Chợ nào **không** phải chợ nổi ở Nam Bộ?

A. Chợ Cái Răng (thành phố Cần Thơ).

B. Chợ Cái Bè (tỉnh Đồng Tháp).

C. Chợ Trà Ôn (tỉnh Vĩnh Long).

D. Chợ Mũi Né (tỉnh Lâm Đồng).

1.3. Phương tiện đi lại, vận chuyển hàng hoá chủ yếu ở Nam Bộ là gì?

A. Ghe, xuồng. B. Sà lan.

C. Thuyền. D. Xe máy.

1.4. Lãnh đạo của phong trào Đồng khởi Bến Tre là ai?

A. Trương Định. B. Nguyễn Trung Trực.

C. Nguyễn Thị Định. D. Nguyễn Thị Bình.

Bài tập 2 Điền thông tin phù hợp vào chỗ trống (...) để hoàn thành mô tả về một số nét văn hoá tiêu biểu của người dân Nam Bộ.

a) Nhà ở truyền thống của người dân Nam Bộ ở vùng sông nước chủ yếu là ..... Tại các miệt vườn, chủ yếu là nhà lợp bằng .....

b) Người dân vùng Nam Bộ trao đổi với nhau trên sông nước, hình thành các ..... trên sông. Hàng hoá được bán trên các .....

c) ..... là phương tiện đi lại, vận chuyển hàng hoá chủ yếu ở Nam Bộ.

d) Trang phục phổ biến của người dân Nam Bộ trước đây là .....

Bài tập 3 Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp về một số nét văn hoá vùng Nam Bộ.

A	B
Làm nhà sàn, nhà nổi để	ghe, xuồng
Sống ở vùng sông nước nên người dân đi lại chủ yếu bằng	đờn ca tài tử
Chợ nổi trên sông chủ yếu bán	chống lũ
Người dân Nam Bộ thường quàng	nông sản và các vật dụng cần thiết
Loại hình nghệ thuật được người dân Nam Bộ yêu thích là	khăn rằn

Bài tập 4 Đọc câu chuyện lịch sử *Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định* trang 109 SGK và trả lời các câu hỏi dưới đây.

Câu hỏi	Câu trả lời
1. Trương Định quê ở đâu?	....
2. Khi thực dân Pháp chiếm Gia Định, ông đã làm gì?	....
3. Ông được nhân dân suy tôn là gì?	....

Bài tập 5 Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) bày tỏ cảm nghĩ của em về truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 25 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở vùng nào của nước ta?

A. Nam Bộ.

B. Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

D. Trung du và miền núi phía Bắc.

1.2. Tên gọi Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ năm nào?

A. Năm 1945.

B. Năm 1954.

C. Năm 1975.

D. Từ năm 1976.

1.3. Tháng 7 – 2025, không gian Thành phố Hồ Chí Minh được mở rộng sau khi sáp nhập thêm các tỉnh nào?

A. Bình Dương và Đồng Nai.

B. Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Bình Dương và Long An.

D. Bình Dương và Tây Ninh.

1.4. Ý nào **không** phải là thế mạnh của Thành phố Hồ Chí Minh?

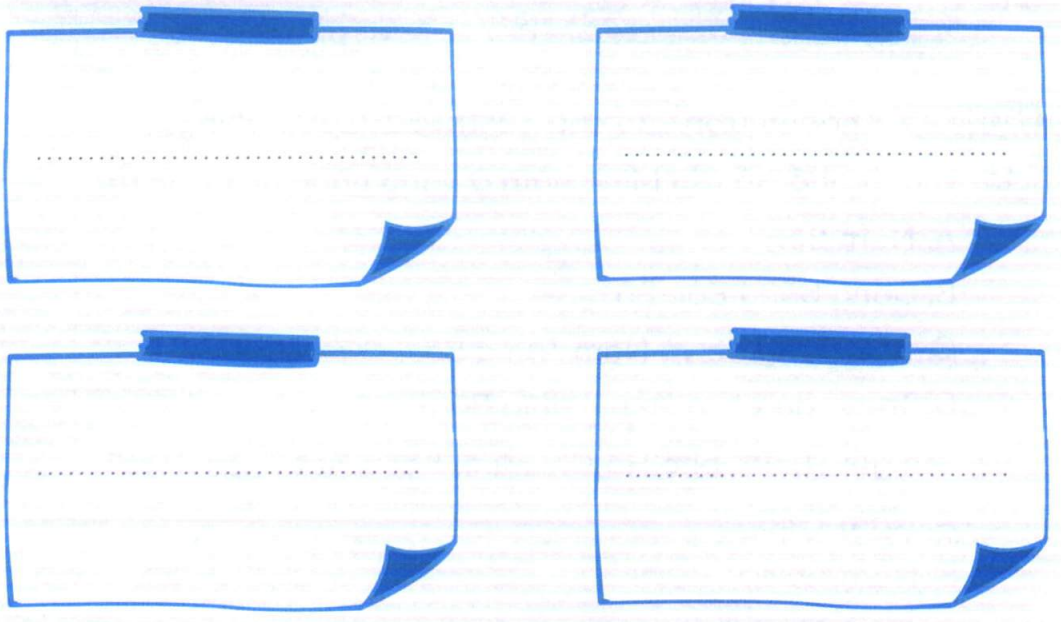
A. Tập trung nhiều loại khoáng sản.

B. Tập trung nhiều khu công nghiệp lớn, khu công nghệ cao, nhiều ngân hàng và trung tâm tài chính.

C. Nơi có nhiều cảng biển lớn.

D. Là một trong hai trung tâm giáo dục, khoa học và công nghệ lớn của đất nước.

Bài tập 2 Viết vào thẻ các tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh trong lịch sử.



Bài tập 3 Điền vào chỗ trống (...) sự kiện hoặc thời gian diễn ra phù hợp về lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

Sự kiện	Thời gian diễn ra
Nguyễn Tất Thành rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.	.....
....	Tháng 8 – 1945
....	Ngày 30 – 4 – 1975
Được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.	.....

Bài tập 4

4.1. Nêu một số dẫn chứng chứng minh Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế hàng đầu của đất nước.

.....

.....

.....

.....

4.2. Nêu một số dẫn chứng chứng tỏ Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm giáo dục, khoa học và công nghệ lớn của đất nước.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 5 Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện mong muốn của em về Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 26 ĐỊA ĐẠO CỦ CHI

Bài tập 1 Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng.

1.1. Ý nào **không** đúng về tác dụng của hệ thống Địa đạo Củ Chi?

A. Nơi cất giấu tài liệu, vũ khí, lương thực.

B. Để tránh các cuộc càn quét của quân địch và làm nơi trú ẩn cho quân ta.

C. Nơi chế tạo, sản xuất các loại vũ khí quan trọng.

D. Nơi nghỉ ngơi, cứu thương.

1.2. Địa đạo Củ Chi nằm sâu trong lòng đất có chiều dài

A. khoảng 250 km.

C. 150 km.

B. 180 km.

D. 280 km.

1.3. Đế quốc Mỹ **không** dùng biện pháp nào khi phá huỷ Địa đạo Củ Chi?

A. Tiến hành nhiều cuộc càn quét hòng tìm ra vị trí các nắp hầm.

B. Dội hàng nghìn tấn bom, chất độc hoá học xuống Củ Chi.

C. Dùng đội quân chuột cống đánh địa đạo.

D. Buộc quân ta phải tự phá huỷ địa đạo.

Bài tập 2 Hoàn thành bảng về một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi.

Tên công trình	Chức năng
Hầm cứu thương	Chữa bệnh cho các chiến sĩ
.....	.....

.....	.....
.....	.....

Bài tập 3 Đánh dấu X vào ô trống trước ý đúng về hoạt động của quân và dân Củ Chi chống lại các cuộc càn quét của địch.

- ☐ Đào hầm dưới lòng đất.
- ☐ Cho gạo vào cán cuốc rỗng khi đi làm đồng để tiếp tế cho du kích dưới địa đạo.
- ☐ Đắp giả ụ mối nơi cửa lên xuống để nguỵ trang.
- ☐ Sử dụng xà phòng và quần áo của lính Mỹ để chó Béc-giê không phát hiện ra cửa hầm.
- ☐ Dùng phương tiện hiện đại để đào địa đạo.

Bài tập 4 Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) nêu cảm nhận của em về Địa đạo Củ Chi.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 27 ÔN TẬP

Bài tập 1 Hoàn thành bảng dưới đây về hai vùng: Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, Nam Bộ.

Vùng / Đặc điểm	Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	Nam Bộ
Địa hình	....	....
Khí hậu	....	....
Dân cư	....	....
Một số nét văn hoá	....	....

Bài tập 2 Nối ô chữ ở bên trái và bên phải với ô chữ ở giữa sao cho phù hợp.

Vùng trồng lúa, trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta		Vùng trồng cây công nghiệp lớn nhất cả nước
Nghề làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển phát triển	Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	Phố cổ Hội An
		Cố đô Huế
Trương Định		
Ngành công nghiệp phát triển nhất nước ta	Vùng Nam Bộ	Phát triển chăn nuôi gia súc và thuỷ điện
Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên		Địa đạo Củ Chi

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu và tái bản: TRẦN ĐÌNH PHIÊN – NGUYỄN THỊ HOÀI THU
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – PHẠM THỊ TÌNH
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

Mã số: G1BH4U001h26

In 18.860 bản (QĐ in số 16/QĐI-NXBGDĐN), khổ 17 x 24cm.
In tại: Công ty cổ phần In sách giáo khoa tại Tp. Hà Nội
Địa chỉ: Tổ 28, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.
Số ĐKXB: 92-2026/CXBIPH/37-20/GD
Số QĐXB: 4383/QĐXB - GD ngày 14 tháng 07 năm 2026.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2026.
Mã số ISBN: 978-604-0-34951-4